

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu: Số hiệu gói thầu: 01  
Tên gói thầu: Gói thầu 03: Thi công xây dựng  
Dự án/dự toán mua sắm: Cửa hàng xăng dầu Nậm Cút  
Phát hành ngày: Ngày 20/04/2026  
Ban hành kèm theo Quyết định: Quyết định số 347 /PLXĐB-QĐ ngày 20/4/2026 của Petrolimex Điện Biên

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



Giám đốc

Nouven Kiên Cường

CHỦ ĐẦU TƯ



Chủ tịch kiêm Giám đốc

Quàng Văn Xuân

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Quyết định số 1179/PLX-QĐ-HĐQT	Quyết định số: 1179/PLX-QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn xăng dầu Việt Nam về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
Thông tư số 79/2025/TT-BTC	Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
VND	Đồng Việt Nam

## **Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU**

### **Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

#### **Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Chủ đầu tư Petrolimex Điện Biên mời nhà thầu nhận HSMT Gói thầu 03: Thi công xây dựng thuộc dự án: Cửa hàng xăng dầu Nậm Cút.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn Đầu tư phát triển của Petrolimex Điện Biên.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 150 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

#### **Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

#### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

3. Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp: Không áp dụng.

#### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSMT, khảo sát hiện trường**

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSMT, nhà thầu gửi văn bản đến Chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

2. Trường hợp sửa đổi HSMT, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập HSDT cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

#### **Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết

bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

### **Mục 6. Thành phần của HSDT**

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;
4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C hoặc Mẫu số 04D hoặc Mẫu số 04E Chương III;
6. Các nội dung khác: Không.

### **Mục 7. Giá dự thầu**

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

### **Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật**

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

### **Mục 9. Hiệu lực của HSDT**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải bảo đảm theo yêu cầu là:  $\geq 150$  ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

### **Mục 10. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 03 bản chụp HSDT, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSDT. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

### **Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu**

1. HSDT do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư: Petrolimex Điện Biên - Địa chỉ: Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: 17 giờ, ngày 28 tháng 4 năm 2026.

#### **2. Mở thầu**

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Thông tin về tên nhà thầu:
  - Tham dự độc lập hay liên danh;
  - Số lượng bản gốc, bản chụp;
  - Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
  - Giá trị giảm giá (nếu có);
  - Thời gian có hiệu lực của HSDT;
  - Thời gian thực hiện gói thầu;
  - Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và nhà thầu nộp HSDT. Biên bản này phải được gửi cho nhà thầu nộp HSDT. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của HSDT.

### **Mục 12. Nhà thầu phụ**

1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Trừ các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: Không có, nhà thầu được kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10A Chương III. Trường hợp tại thời

điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.

Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại Mục 12.3 Chương này. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 30% tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt: Không được phép.

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 10B Chương III và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Tổ chuyên gia sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương II. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt do nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT (hoặc không đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt) và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu được phép đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt hoặc thay thế nhà thầu phụ đặc biệt khác đáp ứng yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt.

### **Mục 13. Đánh giá HSDT và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu**

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của HSMT, thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDT để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu và tỷ lệ tiết kiệm.

### **Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu**

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT;

3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt

### **Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.**

Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản tới nhà thầu. Văn bản này thông báo tới nhà thầu trúng chỉ định thầu trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

### **Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

### **Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSMT này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Mục 18. Biện pháp bảo đảm bí mật thông tin về dự án và gói thầu: Không**

### **Mục 19. Giải quyết kiến nghị**

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Petrolimex Điện Biên, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Petrolimex Điện Biên, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị:  
*Không*

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Quy trình, thủ tục của việc giải quyết kiến nghị tuân theo quy định của pháp luật

- Thông tin giải quyết kiến nghị gửi đến: Petrolimex Điện Biên, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

### **Mục 19. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu**

Ưu đãi: Không

## **Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT**

### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT**

#### **1.1. Kiểm tra HSDT**

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDT theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

#### **1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT**

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDT;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I;
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu

chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 10C Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	<b>Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế</b>	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối

cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu.

### a) Nhân sự chủ chốt

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Trường hợp HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07A, 07B và 07C Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1	Chỉ huy trưởng công trường	01	03 năm hoặc 01 hợp đồng	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng công trình xây dựng dân dụng hoặc công trình công nghiệp hoặc tương tự;

2	Cán bộ kỹ thuật thi công	01	03 năm hoặc 01 hợp đồng	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng công trình xây dựng dân dụng hoặc công trình công nghiệp hoặc tương tự;
---	--------------------------	----	-------------------------	---

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07D Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy đào	01
2	Ô tô tự đổ	01

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có)**

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 12 Chương I. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: Không có.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương IV, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được đưa ra yêu cầu về ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác. Nhà thầu được chào theo ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ các nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời

thầu hoặc ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ khác có chất lượng hàng hóa (đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng) tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong HSMT, HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong HSMT.

HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

### 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính</b> (xi măng, cát, đá, sắt thép)	Có đề xuất rõ nguồn gốc, xuất xứ và có Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ năng lực cung cấp vật liệu chính cho gói thầu hoặc nhà thầu là nhà cung cấp vật liệu và có đủ năng lực cung cấp vật liệu chính cho gói thầu. Nhà thầu phải đính kèm các tài liệu chứng minh về năng lực cung cấp vật liệu chính cho gói thầu (đảm bảo đơn vị cung cấp đủ năng lực, điều kiện hoạt động theo quy định).	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
<b>1.2. Các loại vật liệu khác</b>	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc là nhà cung cấp.	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc là nhà cung cấp.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

### 2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>2.1. Tổ chức mặt bằng công trường:</b> - Thể hiện rõ hiện trạng tổng mặt bằng, các công trình hiện hữu bị ảnh hưởng, vị trí các công trình xây mới; - Bố trí thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm hiện trường, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cống ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, liên lạc, an	- Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. - Có bản vẽ và thuyết minh giải pháp bố trí tổng mặt bằng thi công, bố trí phân luồng giao thông trên công trường thể hiện đầy đủ theo yêu cầu, phải đảm bảo khoa học và phù hợp thực tế hiện trường;	Đạt

toàn lao động trong quá trình thi công. - Bố trí phân luồng giao thông trên công trường đảm bảo an toàn trong quá trình thi công. (Nhà thầu tự khảo sát hiện trường để bố trí mặt bằng cho phù hợp)	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
<b>2.2.</b> Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là vị trí chỉ huy trường công trường và các cán bộ kỹ thuật	Đạt
	Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không nêu rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt	Không đạt
<b>2.3.</b> Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	Có giải pháp khả thi	Đạt
	Không có giải pháp khả thi	Không đạt
<b>2.4.</b> Giải pháp thi công từng hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
<b>Kết luận.</b>	Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 được xác định là đạt	<b>Đạt</b>
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	<b>Không đạt</b>

### 3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>3.1. Bảo đảm an toàn thi công:</b> Biện pháp tổ chức vừa thi công vừa đảm bảo an toàn thi công, an toàn giao thông.	Có biện pháp tổ chức vừa thi công vừa đảm bảo an toàn thi công, an toàn giao thông.	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu.	Không đạt
<b>3.2. Thi công các hạng mục:</b> Bố trí hợp lý các tổ, đội, mũi thi công; mô tả biện pháp bằng sơ đồ, tiến độ, công nghệ thi công đảm	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý và biện pháp thi công khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công từng hạng mục công trình, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt

bảo tính hợp lý và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật.	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	<b>Đạt</b>
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	<b>Không đạt</b>

#### 4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>4.1. Thời gian thi công:</b> Đảm bảo thời gian thi công không quá 150 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 150 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 150 ngày.	Không đạt
<b>4.2. Tính phù hợp:</b> a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
<b>4.3. Biểu tiến độ thi công</b> hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT (Yêu cầu là biểu đồ ngang thể hiện huy động cụ thể số lượng nhân lực, máy móc thiết bị và thời gian hoàn thành thi công cho từng hạng mục công trình)	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với điều kiện thời tiết trên địa bàn và đề xuất kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	<b>Đạt</b>
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	<b>Không đạt</b>

#### 5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>5.1.</b> Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công các	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt

hạng mục công trình	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	<b>Đạt</b>
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	<b>Không đạt</b>

### 6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>6.1. An toàn lao động, an toàn giao thông</b>		
Biện pháp an toàn lao động và an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động và an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
<b>6.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
<b>6.3. Vệ sinh môi trường</b>		
- Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Giải pháp chống ô nhiễm môi trường:	- Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công;	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	<b>Đạt</b>

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	<b>Không đạt</b>
--	--	------------------

### 7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	
<b>7.1. Bảo hành</b>		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
<b>7.2. Uy tín của nhà thầu</b>		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó.	- Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu kể từ 01/01/2022.	Đạt
	- Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu kể từ 01/01/2022.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	<b>Đạt</b>
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	<b>Không đạt</b>

### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định tại Mục 14 Chương I;

### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### ĐƠN DỰ THẦU

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Ghi tên Chủ đầu tư]  
(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu<sup>(2)</sup>.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMT.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(1)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do\_\_ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*

*- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của\_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên  
và đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp  
luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*]Thuộc: \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]- Căn cứ \_\_\_\_ [*Luật Đấu thầu*]<sup>(2)</sup>;- Căn cứ \_\_\_\_ <sup>(2)</sup>;- Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [*Ngày được ghi trên HSMT*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_ ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	

## **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH<sup>(5)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

#### **Ghi chú:**

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
<b>1</b>	<b>NHÀ BÁN HÀNG</b>		
	Phần móng:		
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,2530	100m <sup>3</sup>
2	Đào sửa hố móng bằng thủ công, đất cấp III (30% tổng KL)	10,8435	m <sup>3</sup>
3	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	4,9323	m <sup>3</sup>
4	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm	0,0735	tấn
5	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	0,090	100m <sup>2</sup>
6	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	3,0383	m <sup>3</sup>
7	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cổ cột, trụ, đường kính cốt thép <= 10mm	0,0271	tấn
8	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cổ cột, trụ, đường kính cốt thép <= 18mm	0,1015	tấn
9	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cổ cột, cột vuông, chữ nhật	0,1122	100m <sup>2</sup>
10	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cổ cột, đá 1x2, mác 200	0,9257	m <sup>3</sup>
11	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày <= 33cm, vữa XM mác 75	10,6022	m <sup>3</sup>
12	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng cổ móng, đường kính cốt thép <= 10mm	0,0726	tấn
13	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng cổ móng, đường kính cốt thép <= 18mm	0,4763	tấn
14	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn xà dầm, giằng cổ móng	0,3987	100m <sup>2</sup>
15	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng móng, đá 1x2, mác 200	4,3197	m <sup>3</sup>
16	Đắp đất chân móng công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,1205	100m <sup>3</sup>

17	Đắp đất tôn nền công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,2084	100m <sup>3</sup>
18	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi ≤ 500m, đất cấp III	0,0325	100m <sup>3</sup>
19	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150	10,4210	m <sup>3</sup>
	Phần thân:		
20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép ≤ 10mm, chiều cao ≤ 6m	0,0416	tấn
21	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép ≤ 18mm, chiều cao ≤ 6m	0,1595	tấn
22	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cột, cột vuông, chữ nhật	0,2904	100m <sup>2</sup>
23	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột ≤ 0,1m <sup>2</sup> , chiều cao ≤ 6m, đá 1x2, mác 200	1,5972	m <sup>3</sup>
24	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày ≤ 11cm, chiều cao ≤ 6m, vữa XM mác 75	12,9974	m <sup>3</sup>
25	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây ốp cột, chiều cao ≤ 6m, vữa XM mác 75	1,2778	m <sup>3</sup>
26	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng tường, đường kính cốt thép ≤ 10mm, chiều cao ≤ 6m	0,3841	tấn
27	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng tường, đường kính cốt thép ≤ 18mm, chiều cao ≤ 6m	0,4444	tấn
28	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giằng tường	0,6922	100m <sup>2</sup>
29	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giằng tường, đá 1x2, mác 200	5,0849	m <sup>3</sup>
30	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thu hồi, chắn mái, chiều dày ≤ 11cm, chiều cao ≤ 6m, vữa XM mác 75	3,4117	m <sup>3</sup>
31	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông chèn xà gồ mái, đá 1x2, mác 200	0,1238	m <sup>3</sup>
	* Xà Gồ :		
32	Gia công xà gồ thép	0,8956	tấn
33	Lắp dựng xà gồ thép	0,8956	tấn
34	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ ≤ 9 m	0,2133	tấn
35	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ ≤ 18 m	0,2133	tấn
36	Sản xuất khung xương bằng thép hộp mạ kẽm	0,1821	tấn
37	Gia công hệ khung xương thép	0,8887	tấn
38	Lắp dựng giằng thép liên kết bằng bu lông	1,0708	tấn

39	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	157,5137	m2
40	Lợp mái tôn xốp sóng vuông màu xanh dương dày 0,42mm	1,2136	100m2
41	Ốp tôn phẳng mạ kẽm diềm mái dày 0.42	0,1148	100m2
42	Sơn màu nhận diện diềm ốp tôn phẳng, 1 nước lót, 2 nước phủ	11,480	m2
43	Ốp Alumex diềm mái theo quy định nhận diện thương hiệu	31,60	m
44	Máng inox 204 dày 1mm, úp sườn	16,40	m
45	Tôn úp nóc, úp sườn	31,60	m
46	Lắp đặt ống nhựa PVC thoát nước mái, đường kính ống d=90mm	0,1620	100m
47	Lắp đặt cút nhựa PVC, đường kính cút d=90mm	9,0	cái
48	Đai leo giữ ống vào tường, cột	15,0	cái
49	Lắp đặt quả cầu ngăn rác	3,0	cái
	* Phần hoàn thiện:		
50	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	118,9090	m2
51	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75 (Trát cao hơn trần 35cm)	226,6975	m2
52	Trát má cửa, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	10,2212	m2
53	Lát nền, sàn, kích thước gạch 600x600mm, vữa XM mác 75	119,4348	m2
54	Công tác ốp gạch vào tường cổ móng, kích thước gạch 600x600mm, vữa XM mác 75	9,60	m2
55	Trần Alumex màu trắng bạc	117,9850	m2
56	Sơn tường ngoài nhà sơn nhận diện thương hiệu Petrolimex màu ghi K21	118,9090	m2
57	Sơn dầm, tường trong nhà sơn nhận diện thương hiệu Petrolimex màu ghi K21	236,9187	m2
58	Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao <= 16 m	1,1891	100m2
	Phần cửa:		
59	Cửa đi khung nhôm Việt Pháp cao cấp màu trà kết hợp kính 6,38mm	13,730	m2
60	Cửa sổ khuôn nhôm Việt Pháp cao cấp, kết hợp kính 6,38mm	11,10	m2

61	Vách kính cố định khuôn nhôm Việt Pháp cao cấp, kết hợp kính 6,38mm	16,5640	m2
62	Cửa sắt SS	3,60	m2
63	Cửa chống cháy EI 30 phút	5,280	m2
64	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	50,2740	m2
65	Gia công cửa sắt, hoa sắt	0,1508	tấn
66	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	11,10	m2
67	Lắp dựng hoa sắt cửa	11,10	m2
	<b>MB ĐIỆN - CHỐNG SÉT - NBH</b>		
68	Lắp đặt đèn LED 1.2m 1x18W/220V trong hộp phòng nổ	2,0	bộ
69	Lắp đặt đèn LED 1.2m 1x18W/220V trong hộp	7,0	bộ
70	Lắp đặt đèn LED ốp trần phòng ẩm vuông 200x200 (1x9W/220V)	9,0	bộ
71	Lắp đặt quạt điện - Quạt trần	3,0	cái
72	Lắp đặt ổ cắm đôi	6,0	cái
73	Lắp đặt công tắc, ổ cắm hỗn hợp - 1 công tắc, 1 ổ cắm	1,0	bảng
74	Lắp đặt công tắc, ổ cắm hỗn hợp - 1 công tắc, 2 ổ cắm	6,0	bảng
75	Lắp đặt công tắc - 2 hạt trên 1 công tắc	4,0	cái
76	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây 80x80	6,0	hộp
77	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (3x4)	50,0	m
78	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (2x2,5)	100,0	m
79	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (2x1.5)	120,0	m
80	Lắp đặt ống nhựa luồn cáp fi21	220,0	m
81	Lắp đặt tủ nhựa âm tường 300x250x100	4,0	hộp
82	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện = 50Ampe	1,0	cái
83	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện = 32Ampe	2,0	cái
84	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện = 10Ampe	2,0	cái
85	Con sơn đón điện	1,0	bộ
86	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (3x2.5)	20,0	m
87	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (3x1.5)	20,0	m
88	Lắp đặt ống nhựa luồn cáp fi27	40,0	m
89	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục, loại máy treo tường	1,0	máy

90	Lắp đặt ống đồng đường kính ống 15,9mm	0,150	100m
91	Bảo ôn đường ống (lớp bọc 25 mm), đường kính ống d=15mm	0,150	100m
92	Lắp đặt ống nhựa PVC, đường kính ống 27mm	0,10	100m
93	Kéo rải dây chống sét theo tường, cột và mái nhà - Loại dây thép D10mm	72,0	m
94	Kẹp kiểm tra KZ-1	2,0	cái
95	Lắp đặt kim thu sét, chiều dài kim 1m	3,0	cái
96	Gia công và đóng cọc chống sét L63x63x6	6,0	cọc
97	Kéo rải dây chống sét dưới mương đất, loại dây thép dẹt 40x4	22,0	m
98	Bật sắt phi 8 leo giữ dây dẫn sét	150,0	cái
	<b>MB BỐ TRÍ ĐẦU BÁO RÒ GAS &amp; PCCC</b>		
99	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (2x1.5)	170,0	m
100	Lắp đặt ống nhựa luồn cáp fi21	170,0	m
101	Đèn EXIT 7W/220V - loại phòng nổ	6,0	bộ
102	Đèn chiếu sáng sự cố 7W/220V - loại phòng nổ	4,0	bộ
103	Thiết bị báo rò rỉ gas công nghiệp (GAS LEAK DETECTOR)	3,0	bộ
104	Lắp đặt tủ trung tâm báo cháy 4 Zone kèm phụ kiện lắp đặt	1,0	tủ
105	Đầu báo khói nhiệt hỗn hợp Hochiki ACC-V	8,0	cái
106	Lắp đặt nút ấn báo cháy	1,0	cái
107	Tổ hợp chuông đèn báo cháy	1,0	bộ
	<b>NHÀ VỆ SINH</b>		
	Phần móng		
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% KL đào)	0,1090	100m <sup>3</sup>
2	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp III (30% KL đào)	4,6724	m <sup>3</sup>
3	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	1,7115	100m <sup>3</sup>
4	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	1,7115	m <sup>3</sup>

5	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	0,1418	tấn
6	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	0,1785	tấn
7	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng	0,0734	100m <sup>2</sup>
8	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng $\leq 250\text{ cm}$ , đá 1x2, mác 200	3,7042	m <sup>3</sup>
9	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày $\leq 33\text{cm}$ , vữa XM mác 75	2,1516	m <sup>3</sup>
10	Đắp đất chân móng bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,90$	0,0519	100m <sup>3</sup>
11	Đắp đất tôn nền công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,90$	0,0173	100m <sup>3</sup>
12	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 500\text{m}$ , đất cấp III	0,0865	100m <sup>3</sup>
13	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150	1,7284	m <sup>3</sup>
	Phần thân		
14	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	0,0263	tấn
15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	0,1508	tấn
16	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cột, cột vuông, chữ nhật	0,2394	100m <sup>2</sup>
17	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột $\leq 0,1\text{m}^2$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ , đá 1x2, mác 200	1,3165	m <sup>3</sup>
18	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày $\leq 33\text{cm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM mác 75	5,6488	m <sup>3</sup>
19	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày $\leq 11\text{cm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM mác 75	2,9277	m <sup>3</sup>
20	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây ốp cột, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM mác 75	0,6732	m <sup>3</sup>

21	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	0,0275	tấn
22	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giằng tường	0,0367	100m <sup>2</sup>
23	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giằng tường, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , đá 1x2, mác 200	0,3025	m <sup>3</sup>
24	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ $\leq 9\text{m}$	0,0702	tấn
25	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ $\leq 18\text{m}$	0,0702	tấn
26	Gia công xà gồ thép	0,0904	tấn
27	Lắp dựng xà gồ thép	0,0904	tấn
28	Sản xuất khung diềm	0,0464	tấn
29	Lắp dựng khung diềm	0,0464	tấn
30	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ dày 0,42mm	0,3511	100m <sup>2</sup>
31	Máng xối inox 204 khổ 600 dày 0.5mm	7,60	m
32	Ốp Alumex diềm mái theo quy định nhận diện thương hiệu loại 1	17,240	m
33	Ốp tôn phẳng diềm mái	0,0456	100m <sup>2</sup>
34	Sơn tôn phẳng bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	4,560	m <sup>2</sup>
	Phần hoàn thiện		
35	Trát tường cổ móng, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	4,240	m <sup>2</sup>
36	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	54,2430	m <sup>2</sup>
37	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	18,510	m <sup>2</sup>
38	Trát má cửa, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	3,4320	m <sup>2</sup>
39	Lát nền, sàn, kích thước gạch chống trơn kích thước 300x300mm, vữa XM mác 75	18,7888	m <sup>2</sup>
40	Công tác ốp gạch men màu ghi sáng vào tường WC gạch 300x600 mm, vữa XM cát mịn mác 75	47,670	m <sup>2</sup>
41	Bàn chậu rửa bằng đá granite (Bao gồm cả con sơn đỡ bàn chậu rửa)	1,0	cái
42	Thi công trần nhôm (Bao gồm cả khung xương)	33,310	m <sup>2</sup>

43	Sơn dầm, tường trong nhà sơn nhận diện thương hiệu Petrolimex màu ghi K21	21,9420	m2
44	Sơn tường ngoài nhà sơn nhận diện thương hiệu Petrolimex màu ghi K21	58,4830	m2
45	Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao <= 16 m	0,5848	100m2
46	Vách ngăn composite nhà vệ sinh dày 12mm chịu nước màu ghi sáng (linh kiện đồng bộ)	17,3565	m2
	<b>MB ĐIỆN</b>		
47	Lắp đặt đèn LED ốp trần tròn (1x20W/220V)	5,0	bộ
48	Lắp đặt đèn tường Led (1x30W/220V)	1,0	bộ
49	Lắp đặt công tắc - 2 hạt trên 1 công tắc	3,0	cái
50	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây 40x80	2,0	hộp
51	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (2x2,5)	25,0	m
52	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (2x1.5)	30,0	m
53	Lắp đặt dây dẫn Cu/XLPE/PVC (2x4)	30,0	m
54	Lắp đặt ống nhựa luồn cáp fi21	50,0	m
55	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện = 50Ampe	1,0	cái
56	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện = 32Ampe	2,0	cái
57	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện = 10Ampe	3,0	cái
58	Lắp đặt tủ điện tổng 200x300	1,0	hộp
	<b>THIẾT BỊ VS</b>		
59	Lắp đặt chậu xí bệt Toto CS320DRT3	3,0	bộ
60	LĐ Vòi rửa vệ sinh	3,0	cái
61	Lắp đặt Chậu rửa Toto L762/TL516GV	1,0	bộ
62	Lắp đặt vòi chậu Toto TVLM102NSR	1,0	bộ
63	Lắp đặt gương soi	1,0	cái
64	Lắp đặt chậu tiểu nam Toto UT508T (Bao gồm cả van cảm ứng + pk)	2,0	bộ
65	Vòi đồng Rumine	2,0	cái
66	Lắp đặt hộp đựng	3,0	cái
67	Lắp đặt Vòi sen tắm Toto TVSM103NSS	3,0	bộ
68	Lắp đặt bình nóng lạnh 30L Tân Á vương	3,0	bộ

69	Lắp đặt bể chứa nước bằng inox, dung tích bể 1,5m <sup>3</sup>	1,0	bể
70	Lắp đặt phễu thu 150x150	6,0	cái
	<b>PHẦN CẤP NƯỚC</b>		
71	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 50mm	0,10	100m
72	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm (Ống lạnh)	0,30	100m
73	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm (Ống nóng)	0,10	100m
74	Lắp đặt cút nhựa PPR bằng phương pháp hàn đường kính 50mm	2,0	cái
75	Lắp đặt cút nhựa PPR bằng phương pháp hàn đường kính 25mm	25,0	cái
76	Lắp đặt côn thu nhựa PPR bằng phương pháp hàn đường kính 50/25mm	2,0	cái
77	Lắp đặt Zắc co nhựa PPR bằng phương pháp hàn đường kính 50mm	1,0	cái
78	Lắp đặt tê nhựa PPR bằng phương pháp hàn đường kính 50mm	1,0	cái
79	Lắp đặt tê nhựa PPR bằng phương pháp hàn đường kính 25mm	20,0	cái
80	Lắp đặt cút nhựa ren trong PPR bằng phương pháp hàn đường kính 25mm	20,0	cái
81	Lắp đặt cút nhựa ren ngoài PPR bằng phương pháp hàn đường kính 25mm	2,0	cái
82	Lắp đặt van khóa, đường kính van 50mm	1,0	cái
83	Lắp đặt van khóa, đường kính van 25mm	2,0	cái
84	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 20mm	0,40	100m
85	Lắp đặt cút nhựa HDPE, đường kính cút 20mm	6,0	cái
86	Lắp đặt tê nhựa HDPE, đường kính tê 20mm	2,0	cái
87	Lắp đặt cút nhựa ren trong HDPE, đường kính cút 20mm	5,0	cái
88	Van phao téc nước	1,0	cái
	<b>PHẦN THOÁT NƯỚC</b>		

89	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm	0,240	100m
90	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 90mm	0,20	100m
91	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	0,20	100m
92	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 34mm	0,120	100m
93	Lắp đặt cút nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 110mm	6,0	cái
94	Lắp đặt cút nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 90mm	8,0	cái
95	Lắp đặt cút nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 60mm	12,0	cái
96	Lắp đặt cút nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 34mm	12,0	cái
97	Lắp đặt tê nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính tê 110mm	6,0	cái
98	Lắp đặt tê nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính tê 90mm	2,0	cái
99	Lắp đặt tê nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính tê 60mm	5,0	cái
100	Lắp đặt tê nhựa PVC nối bằng phương pháp dán keo, đường kính tê 34mm	2,0	cái
<b>GIÁ ĐỒ TẾC NƯỚC</b>			
101	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp III	0,50	m3
102	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,10	m3

103	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	0,0320	100m2
104	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	0,2560	m3
105	Gia công hệ khung dàn đỡ téc nước	0,1825	tấn
106	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn đỡ téc nước	0,1825	tấn
107	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	9,560	m2
	<b>BÊ PHỐT</b>		
108	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,0876	100m3
109	Đào sửa hố móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp III (30% khối lượng)	3,7548	m3
110	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,1251	100m3
111	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,5290	m3
112	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	0,6615	m3
113	Ván khuôn gỗ cho BT đáy bể	0,0126	100m2
114	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đáy bể tự hoại, đường kính cốt thép <= 10mm	0,0453	tấn
115	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây bể chứa, vữa XM mác 75	2,2308	m3
116	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan nắp bể, đá 1x2, mác 200	0,4410	m3
117	SXLD cốt thép tấm đan	0,0227	tấn
118	SXLD tháo dỡ ván khuôn gỗ nắp đan	0,0208	100m2
119	Lắp đặt tấm đan nắp bể tự hoại bằng thủ công	1,0	1 cấu kiện
120	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	10,9480	m2
121	Đánh bóng bằng xi măng chống thấm cho bể	10,9480	m2
122	Láng đáy bể dày 2cm vữa M75	2,4878	m2

<b>PHỤ TRỢ</b>			
<b>Mặt bằng cấp điện</b>			
1	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 4x10mm <sup>2</sup>	100,0	m
2	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 4x2,5mm <sup>2</sup>	90,0	m
3	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2,5mm <sup>2</sup>	90,0	m
4	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột 3x2,5mm <sup>2</sup>	120,0	m
5	Lắp đặt ống thép tráng kẽm fi88,9x3 luôn dây điện	20,0	m
6	Lắp đặt ống thép tráng kẽm fi48,2x3 luôn dây điện	15,0	m
7	Lắp đặt ống thép tráng kẽm fi26,8x3 luôn dây điện	35,0	m
8	Đóng cọc chống sét mạ kẽm L63x63x6, dài 2.5 m	22,0	cọc
9	Kéo rải thép mạ kẽm -40x4 làm dây tiếp địa	130,0	m
10	Bộ tiếp đất chống tĩnh điện cho ô tô	1,0	bộ
11	Tủ điện tôn sơn tĩnh điện 600x400x350	1,0	tủ
12	Lắp đặt tủ điện (TT 2,35 công/tủ NC 3.5/7)	1,0	tủ
13	Hộp đặt cầu dao bằng thép 400x300x250	1,0	cái
14	Lắp đặt cầu chì 2A + đèn tín hiệu báo pha	1,0	cái
15	Lắp đặt cầu dao đảo chiều 3 pha - 50A	1,0	bộ
16	Lắp đặt aptomat loại 3 pha 4 cực 32A/18KA	1,0	cái
17	Lắp đặt aptomat loại 3 pha 3 cực 10A/10KA	4,0	cái
18	Lắp đặt aptomat loại 1 pha 2 cực 20A/10KA	6,0	cái
19	Lắp đặt aptomat loại 1 pha 2 cực 16A/10KA	6,0	cái
20	Lắp đặt aptomat loại 1 pha 2 cực 10A/10KA	11,0	cái
21	Thiết bị cắt sét bảo vệ đường nguồn 3 pha 50KA (CS)	1,0	bộ
22	Vật tư phụ	1,0	gói
23	Lắp đặt đèn đường 150W/220V bóng led (IP-55)	2,0	bộ
24	Lắp dựng cột đèn bằng thủ công, cột thép, cột gang chiều cao cột =8m	2,0	cột

25	Móng bê tông cốt thép cho cột đèn 8m	2,0	bộ
26	Cầu nổi + cầu chì 1 pha -6A + Phụ kiện lắp đặt	2,0	bộ
<b>HT tín hiệu - Ống bảo vệ cáp</b>			
27	Kéo rải RS485, 24WG bọc chống nhiễu (4x1,5mm <sup>2</sup> )	90,0	m
28	Lắp đặt ống thép tráng kẽm fi26,8x3 luồn dây điện	12,0	m
29	Lắp đặt ống thép tráng kẽm fi48,2x3 luồn dây điện	20,0	m
30	Lắp đặt ống thép tráng kẽm fi60,3x3 luồn dây điện	12,0	m
31	Phụ tùng lắp ống thép tráng kẽm	1,0	gói
<b>Hố cáp chuyển bậc (2 hố)</b>			
32	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp III	1,3312	m <sup>3</sup>
33	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,1280	m <sup>3</sup>
34	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây hố ga, hố van, vữa XM mác 75	0,3696	m <sup>3</sup>
35	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	4,920	m <sup>2</sup>
36	Sản xuất + lắp dựng tấm đan bê tông	2,0	tấm
37	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0044	100m <sup>3</sup>
<b>Cột thu sét H=10,0m (1 cột)</b>			
38	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp III	1,560	m <sup>3</sup>
39	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0052	100m <sup>3</sup>
40	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,10	m <sup>3</sup>
41	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	0,7680	m <sup>3</sup>
42	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	0,0384	100m <sup>2</sup>
43	Gia công cột bằng thép hình	0,0879	tấn
44	Bu lông neo đế cột thu sét M 20x550	4,0	Bộ

45	Đầu kim inox	1,0	cái
46	Lắp dựng cột thép các loại	0,0879	tấn
47	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 1 nước phủ	6,4043	m2
48	Lắp đặt kẹp kiểm tra KZ-2	1,0	Bộ
49	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,0104	100m3
<b>BỂ nước, bể cát:</b>			
50	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu <= 1m, đất cấp III	4,5302	m3
51	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,4646	m3
52	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	0,6970	m3
53	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng bằng, móng bè, bệ máy	0,0130	100m2
54	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây bể chứa, vữa XM mác 75	1,2698	m3
55	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	6,0960	m2
56	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	12,6780	m2
57	Quét nước xi măng 2 nước	12,6780	m2
58	Láng nền sàn có đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 75	2,8350	m2
59	Nắp tôn bể KT 1,2mx1,7m	1,0	cái
60	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,0453	100m3
<b>BỂ gạn dầu</b>			
61	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp III	9,8280	m3
62	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,420	m3
63	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đáy bể, đường kính cốt thép <= 10mm	0,0513	tấn
64	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đáy bể, đường kính cốt thép <= 18mm	0,0348	tấn

65	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng $\leq 250$ cm, đá 1x2, mác 200	0,9853	m3
66	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng bằng, móng bè, bệ máy	0,0445	100m2
67	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giằng bê, đá 1x2, mác 200	0,0396	m3
68	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giằng bê	0,0098	100m2
69	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng bê, đường kính cốt thép $\leq 10$ mm	0,0012	tấn
70	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng bê, đường kính cốt thép $\leq 18$ mm	0,0056	tấn
71	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây bê chứa, vữa XM mác 75	1,9352	m3
72	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	11,4792	m2
73	Láng nền sàn có đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 75	1,7936	m2
74	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 200	0,5040	m3
75	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn tấm đan nắp bê	0,0228	100m2
76	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan nắp bê	0,1009	tấn
77	Lắp đặt tấm đan nắp bê bằng thủ công	4,0	1 cấu kiện
78	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,95$	0,0328	100m3
79	Song chắn rác	1,0	cái
80	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 500$ m, đất cấp III	0,0655	100m3
	<b>Hố nhập B: 800, L=1,65m (1 cái)</b>		
81	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng $\leq 250$ cm, đá 2x4, mác 150	0,2788	m3
82	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày $\leq 11$ cm, chiều cao $\leq 6$ m, vữa XM mác 75	0,2056	m3

83	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	5,340	m2
84	Nắp hố nhập	1,0	cái
	<b>Hố ga G1 400x400x600-1 cái, G2,3 400x400x700-2 cái, HB 800x800x1000-2 cái</b>		
85	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,0750	100m3
86	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu > 1m, đất cấp III (30% khối lượng đào)	3,2170	m3
87	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 2x4, mác 150	1,1088	m3
88	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây hố ga, hố van, vữa XM mác 75	2,4534	m3
89	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng miệng hố ga, đường kính cốt thép <= 10mm	0,0079	tấn
90	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng miệng hố ga, đường kính cốt thép <= 18mm	0,0355	tấn
91	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giằng miệng hố ga	0,0326	100m2
92	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giằng miệng hố ga, đá 1x2, mác 200	0,3590	m3
93	Trát tường hố ga, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	9,440	m2
94	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 100	1,760	m2
95	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan nắp hố ga, đá 1x2, mác 200	0,6730	m3
96	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan nắp hố ga	0,0250	100m2
97	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan nắp hố ga	0,1602	tấn
98	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng <= 100kg	7,0	1 cấu kiện

99	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0357	100m <sup>3</sup>
100	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,0715	100m <sup>3</sup>
	<b>Rãnh B200 chịu lực đan thép CL - L=15,6m</b>		
101	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,0399	100m <sup>3</sup>
102	Đào rãnh thoát nước bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp III (70% khối lượng đào)	1,7084	m <sup>3</sup>
103	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,8424	m <sup>3</sup>
104	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông rãnh nước, đá 1x2, mác 200	1,7597	m <sup>3</sup>
105	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng băng, móng bè, bệ máy	0,1934	100m <sup>2</sup>
106	Gia công tấm đan thép	0,9309	tấn
107	Lắp dựng tấm đan thép	0,9309	tấn
108	Sơn sắt thép tấm đan thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 1 nước phủ	6,8640	m <sup>2</sup>
109	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0190	100m <sup>3</sup>
110	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,0380	100m <sup>3</sup>
	<b>Rãnh B200 chịu lực đan BTCT - L=11.0m</b>		
111	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,0281	100m <sup>3</sup>
112	Đào rãnh thoát nước bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp III (30% khối lượng đào)	1,2046	m <sup>3</sup>
113	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,5940	m <sup>3</sup>
114	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông rãnh nước, đá 1x2, mác 200	1,1088	m <sup>3</sup>
115	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn rãnh nước	0,110	100m <sup>2</sup>
116	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan nắp rãnh, đá 1x2, mác 200	0,4840	m <sup>3</sup>

117	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn tấm đan nắp rãnh	0,0317	100m <sup>2</sup>
118	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan nắp rãnh	0,1474	tấn
119	Lắp tấm đan nắp rãnh	11,0	1 cấu kiện
120	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,9	0,0134	100m <sup>3</sup>
121	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,0267	100m <sup>3</sup>
	<b>Rãnh B200 xây dầy đan BTCT - L=33,2m</b>		
122	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,0639	100m <sup>3</sup>
123	Đào rãnh thoát nước bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp III (30% khối lượng đào)	2,7385	m <sup>3</sup>
124	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 2x4, mác 150	1,5604	m <sup>3</sup>
125	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây rãnh thoát nước, vữa XM mác 75	1,6799	m <sup>3</sup>
126	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 75	6,640	m <sup>2</sup>
127	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	15,2720	m <sup>2</sup>
128	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan nắp rãnh, đá 1x2, mác 200	0,9761	m <sup>3</sup>
129	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn tấm đan nắp rãnh	0,0660	100m <sup>2</sup>
130	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan nắp rãnh	0,0963	tấn
131	Lắp tấm đan nắp rãnh	33,20	1 cấu kiện
132	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0304	100m <sup>3</sup>
133	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,0609	100m <sup>3</sup>

<b>Rãnh hở B200 L=102,3m:</b>			
134	Đào móng công trình, chiều rộng móng $\leq$ 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,1805	100m <sup>3</sup>
135	Đào rãnh thoát nước bằng thủ công, rộng $\leq$ 1m, sâu $\leq$ 1m, đất cấp III (70% khối lượng đào)	7,7339	m <sup>3</sup>
136	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng $\leq$ 250 cm, đá 2x4, mác 200	6,4449	m <sup>3</sup>
137	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây rãnh thoát nước, vữa XM mác 75	11,8157	m <sup>3</sup>
138	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	106,3920	m <sup>2</sup>
139	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 75	20,460	m <sup>2</sup>
140	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0859	100m <sup>3</sup>
141	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq$ 500m, đất cấp III	0,1719	100m <sup>3</sup>
<b>Tường rào L=31,7m</b>			
142	Đào móng công trình, chiều rộng móng $\leq$ 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,1714	100m <sup>3</sup>
143	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng $\leq$ 3m, sâu $\leq$ 1m, đất cấp III (30% khối lượng đào)	7,3436	m <sup>3</sup>
144	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng $\leq$ 250 cm, đá 4x6, mác 100	2,0922	m <sup>3</sup>
145	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày > 33cm, vữa XM mác 75	6,7236	m <sup>3</sup>
146	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày $\leq$ 33cm, vữa XM mác 75	1,8830	m <sup>3</sup>
147	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng móng, đường kính cốt thép $\leq$ 10mm	0,0666	tấn
148	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng móng, đường kính cốt thép $\leq$ 18mm	0,2821	tấn
149	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn xà dầm, giằng móng	0,1268	100m <sup>2</sup>

150	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng móng, đá 1x2, mác 200	1,3948	m3
151	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0816	100m3
152	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 500m$ , đất cấp III	0,1632	100m3
153	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây cột, trụ, chiều cao $\leq 6m$ , vữa XM mác 50	1,5416	m3
154	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày $\leq 33cm$ , chiều cao $\leq 6m$ , vữa XM mác 50	6,2964	m3
155	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày $\leq 33cm$ , chiều cao $\leq 6m$ , vữa XM mác 75	0,3778	m3
156	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày $\leq 11cm$ , chiều cao $\leq 6m$ , vữa XM mác 75	3,4755	m3
157	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng tường rào, đường kính cốt thép $\leq 10mm$ , chiều cao $\leq 6m$	0,0099	tấn
158	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng tường rào, đường kính cốt thép $\leq 18mm$ , chiều cao $\leq 6m$	0,0563	tấn
159	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giằng tường rào	0,0634	100m2
160	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giằng tường rào, chiều cao $\leq 6m$ , đá 1x2, mác 200	0,6974	m3
161	Trát trụ tường rào, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	19,8660	m2
162	Trát tường rào, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	138,5208	m2
163	Sơn tường rào không bả bằng sơn Petrolimex, 1 nước lót, 2 nước phủ	158,3868	m2
<b>Đường ống thoát nước</b>			
164	Đào rãnh chôn ống bằng thủ công, rộng $\leq 1m$ , sâu $\leq 1m$ , đất cấp III	12,0	m3
165	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nổi bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm	0,60	100m
166	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,120	100m3

167	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 500\text{m}$ , đất cấp III	0,120	100m <sup>3</sup>
<b>Trang bị PCCC ban đầu</b>			
168	Bình bột $\geq 25\text{ Kg}$	2,0	cái
169	Bình bột 8Kg .	2,0	cái
170	Bình bột 4Kg	6,0	cái
171	Bình CO <sub>2</sub> 5Kg .	2,0	cái
172	Chặn sợi 1x2m.	9,0	cái
173	Tiêu lệnh chữa cháy	3,0	cái
<b>Mặt bằng cấp nước</b>			
174	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 20mm	0,650	100m
175	Lắp đặt cút nhựa PPR bằng phương pháp hàn đường kính 20mm	10,0	cái
176	Lắp đặt van khóa, đường kính van 25mm	2,0	cái
177	Van phao D20	2,0	cái
178	Lắp đặt bể chứa nước bằng inox, dung tích bể 3m <sup>3</sup>	1,0	bể
179	Lắp đặt bể chứa nước bằng inox, dung tích bể 1,5m <sup>3</sup>	1,0	bể
180	Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng, quy cách đồng hồ $\leq 50\text{mm}$	1,0	cái
181	Giếng khoan	1,0	Cái
182	Máy bơm nước Q=2m <sup>3</sup> /h, H=2kg/cm <sup>2</sup>	2,0	cái
<b>MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ</b>			
1	Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu tuyến chính bọc 2 lớp vải thủy tinh d=6 +- 0,5 mm - đoạn ống dài 8m - đường kính ống 88,9x3,2 mm	0,480	100m
2	Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu tuyến chính bọc 2 lớp vải thủy tinh d=6 +- 0,5 mm - đoạn ống dài 8m - đường kính ống 60,3x3,2 mm	0,780	100m
3	Lắp đặt đường ống thép dẫn xăng dầu tuyến chính bọc 2 lớp vải thủy tinh d=6 +- 0,5 mm - đoạn ống dài 8m - đường kính ống 48,3x3,2 mm	0,180	100m
4	Lắp đặt ống nhựa UPP, nối bằng phương pháp măng sông, đoạn ống dài 5m, đường kính ống 60x6.3mm	1,20	100m

5	Lắp đặt van bi tay gạt, đường kính van 89mm	4,0	cái
6	Lắp đặt van bi tay gạt, đường kính van 60mm	8,0	cái
7	Lắp đặt van bi, đường kính van 48mm	5,0	cái
8	Lắp đặt họng nhập kín đường kính 89mm+đầu bịt	4,0	cái
9	Lắp đặt họng hồi hơi đường kính 60mm (đầu nối nhanh + nút bịt)	4,0	cái
10	Lắp đặt van mặt bích, van thở + bình ngăn tia đường kính 60mm(EWB)	4,0	cái
11	Lắp đặt van Crepin Dy40	5,0	cái
12	Lắp đặt cổ lỗ đo dầu + nắp lỗ đo dầu D114	4,0	bộ
13	Lắp bích thép, đường kính ống 110mm	4,50	cặp bích
14	Lắp bích thép, đường kính ống 3"	6,0	cặp bích
15	Lắp bích thép, đường kính ống 2" TC	14,0	cặp bích
16	Lắp bích thép, đường kính ống 1 1/2"	7,50	cặp bích
17	Lắp đặt cút thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính cút 48mm	4,0	cái
18	Lắp đặt cút, chéch thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn, cút 60mm	20,0	cái
19	Lắp đặt côn, cút thép, check, đầu bịt nối bằng phương pháp hàn, đường kính 89mm	12,0	cái
20	Lắp đặt T thép nối bằng phương pháp hàn, đường kính T 60mm	4,0	cái
21	Lắp bích thép chuyên dụng nối ống UPP, đường kính ống 60mm	4,0	cặp bích
22	Lắp đặt cút nhựa 90o ống UPP, nối bằng phương pháp măng sông, đường kính cút 60mm(50A)	5,0	cái
23	Lắp đặt măng sông nhựa UPP nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn, cút 60mm(50A)	29,0	cái
24	Lắp đặt đầu đục nhựa UPP bằng phương pháp dán keo, đường kính măng sông 60mm	4,0	cái
25	Bu lông M16x90	60,0	cái
26	Bu lông M16x70	170,0	cái
27	Đầu ren 90, Kép đường kính 90mm	8,0	cái
28	Đầu ren, Kép đường kính 60mm	24,0	cái

29	Đầu ren 48, kép đường kính 48mm	10,0	cái
30	Thử áp lực đường ống gang và đường ống thép, đường kính ống $d < 100\text{mm}$	2,640	100m
<b>CHỐNG NỔ CỤM 2 BỂ 30M3</b>			
1	Đào xúc đất bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III	2,6233	100m <sup>3</sup>
2	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giăng chống nổ, đá 1x2, mác 200	5,360	m <sup>3</sup>
3	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giăng chống nổ	0,2496	100m <sup>2</sup>
4	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giăng chống nổ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	0,0554	tấn
5	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giăng chống nổ, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	0,2246	tấn
6	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giăng chống nổ, đường kính cốt thép $> 18\text{mm}$	0,0646	tấn
7	Sản xuất thép neo bê	0,2132	tấn
8	Lắp đặt thép neo bê	0,2132	tấn
9	Nhân công phục vụ cầu lên, xuống xe+lắp đặt bê tính thêm 2công/1bê . Nhân công bậc 3,5/7	4,0	công
10	Bu lông M 20x360 :	16,0	Bộ
11	Quét nhựa bitum nóng vào thép neo bê	4,6674	m <sup>2</sup>
12	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 4x6, mác 150	4,0455	m <sup>3</sup>
13	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng $\leq 250\text{ cm}$ , đá 4x6, mác 100	2,7979	m <sup>3</sup>
14	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông miệng hố van chiều dày $\leq 45\text{cm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ , đá 1x2, mác 200	0,3221	m <sup>3</sup>
15	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn miệng hố van	0,0293	100m <sup>2</sup>
16	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây hố ga, hố van, vữa XM mác 75	1,6104	m <sup>3</sup>
17	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày $\leq 33\text{cm}$ , vữa XM mác 75	2,2022	m <sup>3</sup>

18	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp nền móng công trình	189,4219	m3
19	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	13,4072	m2
20	Đánh màu bằng xi măng nguyên chất	10,5472	m2
21	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 100	46,5528	m2
22	Gia công tấm nắp hố van	0,0562	tấn
23	Bản lề chẻ chân	6,0	bộ
24	Tôn S=1mm	3,3179	m2
25	Thanh chống phi 18mm, L=1.5m	2,0	cái
26	Lắp đặt tấm nắp hố van	0,0562	tấn
27	Sơn sắt thép tấm nắp các loại 3 nước	2,8821	m2
28	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	2,6233	100m3
<b>BIÊN BÁO GIÁ CAO CẤP CAO 6,8M</b>			
<b>Biên báo giá cao cấp cao 6,8m</b>			
1	Gia công hệ khung dàn	0,7907	tấn
2	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn	0,7907	tấn
3	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước sơn chống gỉ	17,9426	m2
4	Ốp tấm alumex vào khung thép (đơn giá theo báo giá đã bao gồm các loại Alumex, các vật tư phụ và nhân công thực hiện)	29,1354	m2
* Logo chữ P KT(1100x1060m) (2 bộ):			
5	Cung cấp Logo chữ P KT 1100x1060mm: Lọng viền Inox 304 dày 1mm, Led module 3 bóng 1,2w/module độ tỏa 160độ; bộ nguồn HQ 300W ngoài trời, Mặt logo bằng mica trong dày 3mm in UV mặt trong 4 lớp - hút nổi 2 cấp; đế đèn Aluminium dày 3mm độ dày nhôm 0,1	2,0	bộ
* Icon mặt hàng (KT: 550x370mm) (8 bộ):			

6	Cung cấp Icon mặt hàng KT 550x370mm: Thân bằng Nhôm dày 1mm cao 5cm; mặt icon bằng mica trong dày 3mm in UV ngược 4 lớp; Led module 3 bóng 1,2W; đế dán đèn bằng Aluminium 3mm độ dày nhôm 0,1mm	8,0	bộ
7	Lắp đặt bộ nguồn 200W 220V-AC/12V-DC	2,0	bộ
	* Icon tiện ích (KT: 370x370mm) (6 bộ):		
8	Cung cấp Icon tiện ích 370x370mm: Thân bằng Nhôm dày 1mm cao 5cm; mặt icon bằng mica trong dày 3mm in UV ngược 4 lớp; Led module 3 bóng 1,2W; đế dán đèn bằng Aluminium 3mm độ dày nhôm 0,1mm	6,0	bộ
9	Lắp đặt bộ nguồn 200W 220V-AC/12V-DC	1,0	bộ
	* Dải cam trụ báo giá (KT 160x6800mm) (2 dải)		
10	Tấm alumex trắng 1,22x2,44m dày 3mm, mặt nhôm dày 0,1mm	4,4652	m <sup>2</sup>
11	Bạt PVC dày 0,46mm in UV 2 mặt màu cam	6,60	m <sup>2</sup>
12	Lắp đặt đèn led (1,2W/bóng - 12V/DC)	272,0	bộ
13	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2,5mm <sup>2</sup>	16,0	m
14	Lắp đặt bộ nguồn 200W 220V-AC/12V-DC	2,0	bộ
	* Bảng led hiển thị giá nhiên liệu KT: 840x370mm (5V-DC; P=50,4W):		
15	Cung cấp hệ thống led 7 đoạn KT 840x370mm bao gồm 8 bảng led, bộ điều khiển, phần mềm, nguồn led).	1,0	TB
16	Lắp đặt hộp đèn led 7 đoạn kích thước 840x370mm	8,0	bộ
17	Lắp đặt bộ nguồn 300W 220V-AC/12V-DC	2,0	bộ
18	Lắp đặt bộ nguồn 100W 220V-AC/12V-DC (cấp nguồn bộ điều khiển trung tâm)	1,0	bộ

19	Chi phí gia công lắp đặt, hoàn thiện logo, icon, dải cam (2 logo chữ P, 8 icon mặt hàng, 6 icon tiện ích, 2 dải cam)	1,0	bộ
	* Sơ đồ nguyên lý cấp điện:		
20	Lắp đặt aptomat (MCB) 1 pha 2 cực - 20A/6kA	1,0	cái
21	Lắp đặt aptomat (MCB) 1 pha 2 cực - 16A/4,5kA	1,0	cái
22	Lắp đặt aptomat (MCB) 1 pha 2 cực - 10A/4,5kA	2,0	cái
23	Lắp đặt bộ đếm thời gian (Timer)	3,0	cái
	<b>Phần móng biển báo giá cao cấp</b>		
24	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% Khối lượng đào)	0,0990	100m <sup>3</sup>
25	Đào sửa móng bằng thủ công, đất cấp III (30% khối lượng đào)	4,2432	m <sup>3</sup>
26	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,1037	100m <sup>3</sup>
27	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	0,0377	100m <sup>3</sup>
28	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	0,640	m <sup>3</sup>
29	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	3,2940	m <sup>3</sup>
30	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	0,0834	100m <sup>2</sup>
31	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm	0,0222	tấn
32	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 18mm	0,1279	tấn
33	Bu lông M24x820	16,0	bộ
34	Đóng cọc tiếp địa V63x63x5 - L=3m mạ kẽm	1,0	cọc
35	Kéo rải dây tiếp địa 40x4 mạ kẽm	2,230	m
	<b>Hệ thống điện từ tủ điện đến biển báo</b>		
36	Lắp đặt aptomat (MCB) 1 pha 2 cực - 20A/6kA	1,0	cái
37	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột 3x4mm <sup>2</sup>	48,0	m

38	Lắp đặt dây cáp tín hiệu truyền thông RS485 4x1,5mm <sup>2</sup>	48,0	m
39	Lắp đặt ống nhựa xoắn HDPE bảo hộ dây dẫn D50/40	48,0	m
40	Lắp đặt ống nhựa xoắn HDPE bảo hộ dây dẫn D40/30	48,0	m
	Đào rãnh chôn cáp:		
41	Đào rãnh chôn cáp bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp III	12,0	m <sup>3</sup>
42	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,120	100m <sup>3</sup>
	<b>MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÃI</b>		
	Đường bãi BT mác 250 dày 200 S=780,7m <sup>2</sup>		
1	San đầm đất bằng máy lu bánh thép 9T, độ chặt yêu cầu K=0,95	1,7175	100m <sup>3</sup>
2	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp dưới, độ chặt yêu cầu K >= 0,95	1,7175	100m <sup>3</sup>
3	Rải lớp nilong lót tránh mất nước	7,8070	100m <sup>2</sup>
4	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mặt đường, chiều dày mặt đường <= 25 cm, đá 1x2, mác 250 (sửa đổi theo ĐM 08/2025/TT-BXD)	156,140	m <sup>3</sup>
	<b>MÁI CHE CỘT BƠM</b>		
	I/ Phần móng		
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% khối lượng đào)	0,7581	100m <sup>3</sup>
2	Đào sửa hố móng bằng thủ công, đất cấp III (30% khối lượng đào)	32,4903	m <sup>3</sup>
3	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	6,1710	m <sup>3</sup>
4	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 300	28,5046	m <sup>3</sup>
5	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng bằng, móng bè, bệ máy	0,3204	100m <sup>2</sup>
6	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm	0,5303	tấn
7	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 18mm	1,6913	tấn

8	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cổ cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	0,0594	tấn
9	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cổ cột, trụ, đường kính cốt thép $> 18\text{mm}$	0,4266	tấn
10	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cổ cột, cột vuông, chữ nhật	0,1344	100m <sup>2</sup>
11	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột $> 0,1\text{m}^2$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ , đá 1x2, mác 300	0,7560	m <sup>3</sup>
12	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,90$	0,3610	100m <sup>3</sup>
13	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 500\text{m}$ , đất cấp III	0,7220	100m <sup>3</sup>
	II/ Phân thân và mái nhà		
14	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột $> 0,1\text{m}^2$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$ , đá 1x2, mác 200	4,7061	m <sup>3</sup>
15	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cột, cột vuông, chữ nhật	0,4781	100m <sup>2</sup>
16	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	0,2021	tấn
17	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $> 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	0,7121	tấn
18	Bu lông M24 L=900mm	48,0	cái
19	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ $\leq 18\text{ m}$	4,3907	tấn
20	Sơn sắt thép vì kèo bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	82,3150	m <sup>2</sup>
21	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ $\leq 18\text{ m}$	4,3907	tấn
22	Sản xuất dàn, đầu cột, khung diềm mái thép	1,1467	tấn
23	Sơn sắt thép khung diềm mái bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	59,9558	m <sup>2</sup>
24	Lắp dựng khung diềm mái thép	1,1467	tấn
25	Cáp D20 giằng mái	100,6160	m
26	Tăng đơ D20	16,0	cái
27	Cóc cáp D20	96,0	cái
28	Gia công xà gồ thép	1,6609	tấn
29	Sơn sắt thép xà gồ thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	132,9182	m <sup>2</sup>

30	Lắp dựng xà gồ thép	1,6609	tấn
31	Gia công dầm mái	0,7917	tấn
32	Sơn sắt thép dầm trần bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	42,0	m <sup>2</sup>
33	Lắp dựng dầm trần	0,7917	tấn
34	Ốp cột Alumex màu theo nhận diện thương hiệu	70,5960	m <sup>2</sup>
35	Lợp trần bằng tôn múi chiều dài bất kỳ	1,7160	100m <sup>2</sup>
36	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ dày 0,42mm	1,7160	100m <sup>2</sup>
37	Máng xối inox 204 dày 1mm	15,60	m
38	Đai giữ máng	16,0	cái
39	Ốp Alumex màu theo nhận diện thương hiệu diềm mái che cột bơm	77,140	m <sup>2</sup>
40	Logo chữ P. KT: 848x826mm	3,0	Bộ
41	Bộ chữ PETROLIMEX. KT: cao 282mm	1,0	Bộ
42	Lợp tôn phẳng chống dột diềm mái che cột bơm	0,2128	100m <sup>2</sup>
43	Lắp đặt ống nhựa PVC, đường kính ống 110mm	0,270	100m
44	Lắp đặt cút nhựa PVC, đường kính cút 110mm	9,0	cái
45	Lắp đặt rọ chắn rác	3,0	cái
	III/Phân điện:		
46	Lắp đặt các loại đèn Led 1,2m, loại hộp đèn 1 bóng	12,0	bộ
47	Lắp đặt ống nhựa, đường kính =21mm luôn dây điện trên mái che	104,0	m
48	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột Cu/XLPE/PVC (3x2.5)	155,0	m
49	Kéo rải dây chống sét theo tường, cột và mái nhà - Loại dây thép D10mm	70,0	m
50	Lắp đặt kim thu sét, chiều dài kim 0,5m	4,0	cái
51	Kẹp kiểm tra KZ-1	2,0	cái
	VI - Tiểu đào		
52	Đào đất móng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp III	3,1878	m <sup>3</sup>
53	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	1,0626	m <sup>3</sup>

54	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền đảo bơm, đá 1x2, mác 200	2,030	m3
55	Đắp cát tôn nền đảo bơm	1,6240	m3
56	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây móng bo nền, chiều dày <= 33cm, vữa XM mác 75	2,2264	m3
57	Lát đá granite màu đen, vữa XM cát mịn mác 75	30,420	m2
58	Đổ bê tông móng cột bơm, Vữa mác 200, Đá 1x2	0,8911	m3
59	Ván khuôn gỗ, Ván khuôn móng cột bơm	0,1263	100m2
60	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	0,0106	100m3
<b>KÈ BTCT</b>			
<b>Đào, đắp kè</b>			
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,8m3, đất cấp II	26,1589	100m3
2	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,8m3, đất cấp III	61,0373	100m3
3	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	16,8054	100m3
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp II	26,1589	100m3
5	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	44,2319	100m3
<b>Kè BTCT từ cọc C1-C9 H=5,5M L=70.67M</b>			
6	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	24,020	m3
7	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	0,9084	tấn
8	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	10,0555	tấn
9	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng băng, móng bè, bệ máy	2,3764	100m2
10	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 2x4, mác 200	204,220	m3

11	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn tường thẳng, chiều dày > 45 cm	7,1640	100m <sup>2</sup>
12	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông tường chiều dày > 45cm, chiều cao <= 6m, đá 2x4, mác 200	308,130	m <sup>3</sup>
13	Thi công tầng lọc bằng đá dăm 4x6	0,2120	100m <sup>3</sup>
14	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nổi bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 50mm	1,8326	100m
15	Quét nhựa bitum và dán giấy dầu, 2 lớp giấy 2 lớp nhựa	7,250	m <sup>2</sup>
<b>TỔNG CỘNG: Kè BTCT từ cọc C1-C9 H=5,5M L=70.67M</b>			
<b>SAN NỀN</b>			
1	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m <sup>3</sup> , đất cấp II (30% KL)	47,6533	100m <sup>3</sup>
2	Đào đất nền mặt bằng bằng máy đào 0,8m <sup>3</sup> , đất cấp III (70% KL)	111,1911	100m <sup>3</sup>
3	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp II	47,6533	100m <sup>3</sup>
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp III	111,1911	100m <sup>3</sup>

### **Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

#### **Ghi chú:**

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng giá dự thầu khác so với các hạng mục công việc nêu trong HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSMT sẽ được coi là chào thầu và được hiệu chỉnh theo quy định.

Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh

toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSMT và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại các hạng mục công việc nêu trong HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong các hạng mục công việc nêu trong HSMT nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện các hạng mục công việc nêu trong HSMT thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng giá dự thầu.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

**Mẫu số 05****BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU <sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_  
 Tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____ Địa chỉ email: _____
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...</li> <li>2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.</li> </ol>

**Ghi chú:**

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II <sup>(2)</sup></b>			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>		

**Ghi chú:**

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSMT không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự thì bỏ qua Bảng này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

## BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì HSDT bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và tên	Vị trí công việc
1	<i>[ghi thông tin họ và tên nhân sự chủ chốt trong HSDT ]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
STT	Tên	Căn cước công dân/ Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin trong HSĐT theo yêu cầu tại Bảng trên.

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

<b>STT</b>	<b>Tên nhân sự chủ chốt</b>	<b>Từ ngày</b>	<b>Đến ngày</b>	<b>Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan</b>
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Thông tin thiết bị							Hiện trạng		
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Địa điểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

STT	Chủ sở hữu					Thỏa thuận
	Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Địa chỉ email	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án

## HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

### Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II

Không có hoặc có 01 hợp đồng (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

### **Ghi chú:**

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

	<b>Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)</b>		
	<b>Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT</b>		
	<b>Năm 1:</b>	<b>Năm 2:</b>	<b>Năm 3:</b>
<b>Tổng tài sản</b>			
<b>Tổng nợ</b>			
<b>Giá trị tài sản ròng</b>			
<b>Doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>			
<b>Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup></b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính

trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH <sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(2)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 09C Chương này.

<b>Nguồn lực tài chính của nhà thầu</b>		
<b>STT</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
1		
2		
3		
4		
5		
...		
<b>Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)</b>		

**Ghi chú:**

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{NLTC = TNL - ĐTH}$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;

- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);

- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 09C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC)

tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II.

Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và trong HSDT của nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 09C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG  
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, email)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup>	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) <sup>(3)</sup>	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
<b>A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)</b>						

**Ghi chú:**

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

<b>STT</b>	<b>Tên nhà thầu phụ<sup>(2)</sup></b>	<b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b>	<b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b>	<b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b>	<b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)<sup>(6)</sup></b>
1					
2					
...					

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 12.2 Chương I. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 12.2 Chương I.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSDT. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT<sup>(1)</sup>**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Chương II.

<b>STT</b>	<b>Tên nhà thầu phụ đặc biệt<sup>(2)</sup></b>	<b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b>	<b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b>	<b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b>	<b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt<sup>(6)</sup></b>
1					
2					
...					

**Ghi chú:**

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.
- (3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm các tài liệu này trong HSĐT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

## BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do nhà thầu đề xuất
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	<i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

**Ghi chú:**

(2), (3), (4), (5): Chủ đầu tư điền theo yêu cầu tại Chương IV.

(6): Nhà thầu đề xuất.

## **Phần 2. YÊU VÀU VỀ XÂY LẬP**

### **Chương IV. YÊU CẦU VỀ XÂY LẬP**

#### **I. Giới thiệu về dự án, gói thầu**

##### **1. Giới thiệu về dự án:**

**1.1. Tên dự án:** Cửa hàng xăng dầu Nậm Cút.

**1.2. Địa điểm xây dựng:** Trong khuôn viên CH Nậm Cút thuộc Xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên.

**1.3. Chủ đầu tư:** Petrolimex Điện Biên.

**1.4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng:**

+ Tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty CP tư vấn QH và XD đô thị Việt Nam

+ **Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty TNHH tư vấn và xây dựng MHD tỉnh Điện Biên.

##### **1.5. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình công nghiệp, cấp III.

**1.6. Tổng mức đầu tư xây dựng: 13.447.510.000** đồng

**1.7. Tiến độ thực hiện dự án:** Quý I-III năm 2026.

**1.8. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Đầu tư phát triển của Petrolimex Điện Biên.

##### **2. Giới thiệu về gói thầu:**

- Tên gói thầu: Thi công xây dựng.

- Giá gói thầu: 8.018.659.166 đồng.

- Nguồn vốn: Vốn Đầu tư phát triển của Petrolimex Điện Biên

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày.

- Tùy chọn mua thêm (nếu có): Không

- Quy mô gói thầu:

##### **\* Quy mô chung:**

- Mái che cột bom: Móng cột BTCT, hệ mái vì kèo, xà gồ thép: 176,1m<sup>2</sup>.

- Nhà bán hàng 01 tầng tường gạch, mái lợp tôn: 125,0m<sup>2</sup>.

- Cụm 2 bể 30m<sup>3</sup> chôn ngầm: 60m<sup>3</sup> (30m<sup>3</sup> /1 bể chia 2 ngăn).
- Nhà vệ sinh: 36,6m<sup>2</sup>.
- Hệ thống đường ống công nghệ.
- Mặt bằng đường bãi: 780,7m<sup>2</sup>.
- Kè BTCT chắn đất cao 5,5m: 70,7m.
- Phụ trợ:
  - + Mặt bằng cấp điện.
  - + Hồ cáp chuyển bậc: 02 hố.
  - + Cột thu sét H=10,0m: 01 cột.
  - + Bể nước và bể cát chữa cháy: 01 bể.
  - + Bể gạn dầu: 01 bể.
  - + Hồ nhập B: 800, L=1,65m: 01 cái.
  - + Rãnh B200 chịu lực đan thép CL - L=15,6m.
  - + Rãnh B200 chịu lực đan BTCT - L=11,0m.
  - + Rãnh B200 xây đập đan BTCT - L=33,2m.
  - + Rãnh hở B200 L=102,3m.
  - + Tường rào L=31,7m.
  - + Đường ống thoát nước: L=60m.
  - + Trang bị PCCC ban đầu.

**\* Giải pháp thiết kế chi tiết:**

**- Mái che cột bơm:**

- + Cấp công trình: cấp III.
- + Chịu động đất: cấp 7.
- + Bậc chịu lửa: bậc II.
- + Diện tích xây dựng: 176,1 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình từ mặt đảo bơm: +6,2 m.
- + Kết cấu móng: Móng cột là móng băng BTCT đá 1x2 M200# được đặt trên lớp đất thổ ở cos -1,6 m so với nền hoàn thiện, dưới là lớp BT lót đá 4x6 VXM M100# dày 100, đế móng kích thước 1500x700, cổ móng BTCT đá 1x2 M200# kích thước 350x450.
- + Kết cấu cột, mái che: Cột BTCT đá 1x2 M 200# kích thước 350x450x4980. Mái che vì kèo, xà gồ thép hình, lợp tôn múi liên doanh dày 0.42 ly, dầm trần thép hình V50x5, tấm trần bằng tấm trần tôn sóng, xung quanh hệ diềm mái Alumex màu thương hiệu.
- + Hệ thống điện, thông tin, cấp thoát nước, chống sét, phòng chống cháy nổ đồng bộ hoàn chỉnh.

**- Nhà bán hàng 01 tầng:**

- + Cấp công trình: cấp III.
- + Chịu động đất: cấp 7.
- + Bậc chịu lửa: bậc II.

+ Diện tích tính đến tim cột BTCT: 125,0 m<sup>2</sup>.

+ Chiều cao công trình: +4.0 m.

+ Kết cấu móng: Móng cột BTCT đá 1x2 M200# được đặt trên lớp đất thổ ở cos - 1,35 m so với nền hoàn thiện, dưới là lớp BT lót đá 4x6 VXM M100# dày 100, đế móng kích thước 900x900x500, cổ móng BTCT đá 1x2 M200# kích thước 330x330.

+ Kết cấu cột BTCT chịu lực đá 1x2 M200#; Dầm, giằng đỡ BTCT đá 1x2 M200#. Tường xây chèn bao che bằng gạch đất sét nung vữa XM 75#. Tường được trát hoàn thiện vữa XM 75# dày 15;

+ Kết cấu mái xây tường thu hồi 110 tạo dốc, xà gồ thép C150x65x20x2 trên lợp tôn múi sóng vuông dày 0,42 mm; các mặt trước hệ diềm mái Alumex màu thương hiệu.

+ Kiến trúc: Tường trần, hành lang lăn lu sơn 1 nước lót, 2 nước phủ; Hệ thống cửa: cửa đi, cửa sổ các phòng dùng cửa nhôm Việt Pháp cao cấp theo công nghệ tiên tiến chống ồn; Hoa sắt cửa sổ bảo vệ dùng thép hộp 14x14x1,4 được sơn chống gỉ 3 nước. Nền, sàn phòng bán hàng, phòng CHT, Kho lát gạch liên doanh 600x600 sáng màu. Trần khung xương thép tấm trần nhôm sáng màu.

+ Hệ thống thiết bị thoát nước, điện, điều hòa, hệ thống chống sét, chữa cháy hoàn chỉnh đồng bộ.

#### **- Nhà vệ sinh:**

+ Diện tích xây dựng: 36,6 m<sup>2</sup>.

+ Chiều cao công trình: +3.6 m.

+ Kết cấu móng: Móng băng BTCT đá 1x2 M200# được đặt trên lớp đất thổ ở cos -0,9 m so với nền hoàn thiện, dưới là lớp BT lót đá 4x6 VXM M100# dày 100, đế móng kích thước 600x300, cổ móng BTCT đá 1x2 M200# kích thước 220x220.

+ Kết cấu cột BTCT chịu lực đá 1x2 M200#; Dầm, giằng đỡ BTCT đá 1x2 M200#. Tường xây chèn bao che bằng gạch đất sét nung vữa XM 75#. Tường được trát hoàn thiện vữa XM 75# dày 15;

+ Hệ thống phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, nền sàn lát gạch liên doanh chống trơn 300x300. Tường được ốp gạch 300x600 màu sáng cao 2.1m từ nền. Các ô vệ sinh được ngăn bằng tấm composite dày 12mm chịu nước, màu ghi sẫm, linh kiện đồng bộ theo cấu tạo của nhà sản xuất.

+ Thiết bị vệ sinh: lavabo, xí bệt, chậu tiểu nam, chậu tiểu nữ, sen vòi.... Sử dụng loại cao cấp của các hãng nhập khẩu.

+ Hệ thống thiết bị cấp, thoát nước, điện hoàn chỉnh đồng bộ.

#### **- Cụm bể chôn ngầm:**

+ Diện tích xây dựng: 50,7m<sup>2</sup>.

+ Số lượng bể: 02 bể, mỗi bể 30 m<sup>3</sup>, tổng sức chứa 60m<sup>3</sup>.

+ Dầm giằng chống nổi bể BTCT đá 1x2 M200#.

+ Khung sườn, nắp hố van bằng thép CT 38 R=2.100kg/cm<sup>2</sup>, liên kết bằng hàn, dùng que hàn N46 hoặc tương đương, chiều cao đường hàn H=5mm, chiều dài đường hàn bằng chiều dài đoạn liên kết, tôn che hố van dùng tôn phẳng S=1mm hàn liên kết

với khung sườn. Tấm nắp khi gia công xong phải đánh sạch gỉ, sơn 1 nước chống gỉ và 2 nước sơn màu.

**- Hệ thống đường ống công nghệ:**

+ Lắp đặt bằng phương pháp hàn và nối bích, dùng que hàn E7016 hoặc loại que hàn có tính năng tương đương, chiều cao mỗi hàn bằng chiều dày nhỏ nhất của chi tiết cần hàn.

+ Ống đi ngầm qua đường phải được đi trong rãnh công nghệ có tấm đan.

+ Hệ ống công nghệ nhập, thờ, thu hồi hơi dùng ống thép đen bọc 02 lớp vải thủy tinh + 01 lớp nhựa đường.

+ Hệ ống công nghệ xuất dùng ống nhựa UPP 63x6,3.

**- Mặt bằng đường bãi:** Đồ sân bê tông S=780,7m<sup>2</sup> M250, đá 1x2, dày 20cm; San đầm đất độ chặt K=0,95; Đắp cấp phối đá dăm độ chặt yêu cầu K >= 0,95 dày 22cm; Rải lớp nilong lót tránh mất nước; Đồ bê tông sân, đá 1x2, mác 250 dày 20cm;

**- Kè BTCT chắn đất:**

+ Kè cao 5,5m L=70,7m kết cấu BTCT đá 2x4, M200;

**- Phụ trợ:**

+ Mặt bằng cấp điện.

+ Hồ cáp chuyển bậc: 02 hồ.

+ Cột thu sét H=10,0m (01 cột): Hệ thống cột chống sét có chiều cao 10,0m. Kim thu sét D 20 dài 0.5m, nối hệ thống thu lôi này với hệ thống tiếp địa thép V63x6 dài 2.5m bằng thép tròn trơn D10 thông qua các cầu kiểm tra KZ. Điện trở của hệ thống này phải nhỏ hơn hoặc bằng 10 ôm. Khi thi công xong nếu đo điện trở của 2 hệ thống này lớn hơn chỉ số cho phép thì phải đóng thêm cọc và hàn thêm dây tiếp địa.

+ Bể gạn dầu (01 bể): Sxd=4,2m<sup>2</sup>; Đáy bể đặt trên nền đất thô so với nền hoàn thiện -1,8m, đáy bể BTCT đá 1x2 M200# dày 200, mặt láng VXM M75 dày 20; Tường bể xây gạch đất sét nung VXM 75#, trát tường trong VXM M75 dày 20, mặt trong đánh màu bằng xi măng nguyên chất; Tấm nắp BTCT đá 1x2 M200# dày 150.

+ Bể nước và bể cát chữa cháy (01 bể): Sxd=4,65m<sup>2</sup>; Đáy bể đặt trên nền đất thô so với nền hoàn thiện -0,75m, đáy bể BT đá 1x2 M200# dày 150, mặt láng VXM M75 dày 20; Tường bể xây gạch đất sét nung VXM 75#, trát tường trong VXM M75 dày 20, mặt trong đánh màu bằng xi măng nguyên chất; Nắp tôn dầy bể.

+ Hồ nhập B: 800, L=1,65m: 01 cái.

+ Rãnh B200 chịu lực đan thép CL - L=15,6m. Rãnh đồ BT đá 1x2, mác 200. Nắp rãnh bằng tấm đan thép.

+ Rãnh B200 chịu lực đan BTCT - L=11.0m. Rãnh đồ BT đá 1x2, mác 200. Nắp rãnh bằng tấm đan BTCT.

+ Rãnh B200 xây dầy đan BTCT - L=33,2m. Rãnh xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, vữa XM mác 75. Nắp rãnh bằng tấm đan BTCT.

+ Rãnh hở B200 L=102,3m. Rãnh xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, vữa XM mác 75.

+ Tường rào L=31,7m cao 2,2m: Tường rào xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, vữa XM mác 50.

+ Trang bị PCCC ban đầu: Bình bột  $\geq 25$  Kg: 02 cái; Bình bột 8Kg: 02 cái; Bình bột 4Kg: 06 cái; Bình CO2 5Kg: 02 cái; Chặn sợi 1x2m: 09 cái; Tiêu lệnh chữa cháy: 03 cái.

## **II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:**

Hoàn thành công trình trong vòng 150 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

## **III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật**

Hồ sơ mời thầu có đính kèm Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã phê duyệt, trong đó có các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật và các thuyết minh khác có liên quan kèm theo để nhà thầu làm cơ sở lập E-Hồ sơ dự thầu.

## **IV. Các bản vẽ: Có, file đính kèm.**

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

#### **Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

*Điều kiện hợp đồng bao gồm ĐKC, ĐKCT của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.*

*ĐKC Hợp đồng được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. ĐKCT quy định cụ thể các nội dung tương ứng với ĐKC khi áp dụng đối với từng gói thầu nhằm bổ sung thông tin cần thiết để hoàn chỉnh hợp đồng, đảm bảo tính khả thi cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng*

*Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng hợp đồng theo kết quả đầu ra, tùy theo chất lượng đầu ra mà nhà thầu sẽ được thanh toán với giá trị khác nhau. Nếu nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu của HSMT, nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc bằng 100% giá trị theo khối lượng công việc thực tế nhân với đơn giá (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh). Nếu nhà thầu không đảm bảo chất lượng công trình như đã đề xuất thì nhà thầu chỉ được thanh toán tương ứng với chất lượng đã hoàn thành.*

*Để áp dụng điều khoản về giảm trừ thanh toán, Chủ đầu tư cần xây dựng phụ lục Hợp đồng, trong đó nêu rõ yêu cầu về chất lượng đầu ra; mức độ chất lượng có thể chấp nhận được; biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của công trình (ví dụ lấy mẫu phân tích, phương pháp và trình tự thủ tục sẽ áp dụng để đánh giá...); mức độ giảm trừ thanh toán theo kỳ thanh toán.*

*Trường hợp Chủ đầu tư có nguồn lực tài chính để khuyến khích nhà thầu khi nhà thầu hoàn thành việc cung cấp dịch vụ với chất lượng xuất sắc, có thể bổ sung điều khoản về “tăng giá trị thanh toán” trên nguyên tắc tương tự như đối với điều khoản giảm trừ thanh toán vào ĐKC và ĐKCT.*

	<b>A. Các quy định chung</b>
<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ, bảng tính toán, thông tin kỹ thuật của công trình theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành theo hợp đồng hoặc do nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.2. Biên bản nghiệm thu là biên bản được lập, phát hành theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>1.3. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;</p> <p>1.4. “Chủ đầu tư” là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình và được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.5. “Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.</p> <p>1.6. “Bản xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng” là văn bản được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình;</p> <p>1.7. “Công trình” là các Công trình chính và Công trình tạm, hoặc một trong hai loại công trình này tùy từng trường hợp theo quy định <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.8. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình;</p> <p>1.9. “Công trình chính” là các công trình mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng;</p> <p>1.10. “Công trường” là khu vực được xác định trong <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.11. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.</p> <p>1.12. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.13. “Năm” là năm dương lịch;</p>

- 1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;
- 1.15. “Ngày” là ngày dương lịch;
- 1.16. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo **ĐKCT**;
- 1.17. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại **ĐKCT**;
- 1.18. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong **ĐKCT**. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;
- 1.19. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**;
- 1.20. “Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
- 1.21. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp;
- 1.22. “Nhà xưởng” là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học;
- 1.23. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;
- 1.24. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được xác định theo Mục 48 ĐKC;
- 1.25. “Thay đổi” là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình;
- 1.26. “Thiết bị” là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;
- 1.27. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;
- 1.28. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;
- 1.29. “Nhà thầu tư vấn” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng. Tên nhà thầu tư

	<p>vấn được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.30. “Tur vấn thiết kế” là tur vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.</p> <p>1.31. “Đại diện nhà thầu tư vấn” là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao.</p> <p>1.32. “Vật tư” là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình;</p> <p>1.33. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p><b>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>2.1. Đối với trường hợp hoàn thành từng phần theo quy định tại <b>ĐKCT</b>, các thuật ngữ “Công trình”, “Ngày hoàn thành” và “Ngày hoàn thành dự kiến” quy định tại ĐKC được hiểu là áp dụng tương ứng cho từng phần của Công trình.</p> <p>2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.3 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>b) ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>d) ĐKC của hợp đồng;</li> <li>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>e) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;</li> <li>g) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT của Nhà thầu;</li> <li>h) HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);</li> <li>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>2.4. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản hợp đồng;</li> <li>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung</li> </ul>

	<p>và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<b>3. Luật và ngôn ngữ</b>	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
<b>4. Thông báo</b>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<b>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư hoặc Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại</p>

	<b>ĐKCT.</b>
<p><b>6. An toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường</b></p>	<p>An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ</p> <p>6.1. An toàn lao động</p> <p>a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận;</p> <p>b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn;</p> <p>c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;</p> <p>d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;</p> <p>đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.</p> <p>Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.</p> <p>6.2. Bảo vệ môi trường</p> <p>a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;</p> <p>b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;</p> <p>c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có</p>

	<p>quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.</p> <p>6.3. Phòng chống cháy nổ:</p> <p>Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.</p>
<p><b>7. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư</b></p>	<p>7.1. Quyền của Chủ đầu tư:</p> <p>a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;</p> <p>b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.</p> <p>c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;</li> <li>- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;</li> </ul> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>7.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư</p> <p>a) Xin giấy phép xây dựng theo quy định;</p> <p>b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;</p>

	<p>c) Thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính của Chủ đầu tư tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;</p> <p>đ) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>e) Xem xét và chấp thuận bằng văn bản đối với các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;</p> <p>g) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.</p>
<p><b>8. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu</b></p>	<p>8.1. Quyền của Nhà thầu</p> <p>a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.</p> <p>b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.</p> <p>8.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu</p> <p>a) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.</p> <p>b) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.</p> <p>c) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.</p> <p>d) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b>, nếu trong khoảng thời gian quy định Nhà thầu không trả lời thì được coi là Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>

### 8.3. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những thông tin chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

### 8.4. Hợp tác

- Nhà thầu phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với nhân sự của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác trong dự án. Hợp tác có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị, công trình tạm, đường vào công trường... của nhà thầu trong trường hợp cần thiết, cấp bách. Trong trường hợp này, nếu phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường và phối hợp hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong HSMT của Chủ đầu tư.

### 8.5. Định vị các mốc

- Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

- Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (*các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn*), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

### 8.6. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSMT hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện,

nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng, hợp lý, thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư đưa ra (nếu có). Trường hợp chỉ dẫn của Chủ đầu tư tạo ra sự thay đổi thì các bên có thể xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 15 ĐKC.

#### 8.7. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

- a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;
- b) Nhà thầu (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;
- c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;
- đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

#### 8.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn thời gian quy định tại **ĐKCT**, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

#### 8.9. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

#### 8.10. Thiết bị và vật liệu do Chủ đầu tư cấp (nếu có)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Chủ đầu tư phải cung cấp miễn phí, “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

#### 8.11. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi

	<p>công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.</p> <p>Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p> <p>Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong trong thời gian quy định <b>ĐKCT</b> sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.</p> <p><b>8.12. Các vấn đề khác có liên quan</b></p> <p>Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.</p> <p>Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết.</p>
<p><b>9. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn quản lý dự án (nếu có)</b></p>	<p>Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án thì Nhà thầu tư vấn quản lý dự án có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p><b>9.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn</b></p> <p>Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.</p> <p>Nhà thầu tư vấn không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh nhà tư vấn như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong</p>

hợp đồng. Nếu Nhà thầu tư vấn được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu. Tuy nhiên, mỗi khi Nhà thầu tư vấn thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư (*vì mục đích của hợp đồng*) thì được xem như Chủ đầu tư đã chấp thuận.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Nhà thầu tư vấn được xem là làm việc cho Chủ đầu tư;

b) Nhà thầu tư vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

## 9.2. Ủy quyền của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Những cá nhân này có thể là một Nhà thầu tư vấn thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát hoặc chạy thử các hạng mục thiết bị, vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của nhà tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào Chủ đầu tư nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thỏa thuận khác của hai bên trong hợp đồng hoặc của Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì.

Các cá nhân này phải là những người có đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền.

Mỗi cá nhân được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được quyền đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi được xác định trong sự ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của một cá nhân phù hợp với sự ủy quyền sẽ có cùng hiệu lực như là việc thực hiện công

việc của chính Nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên:

a) Bất kỳ một sự không thành công trong công việc, không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Nhà thầu tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị hoặc vật liệu đó;

b) Nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào đó của các cá nhân này thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà thầu tư vấn là người sẽ nhanh chóng khẳng định, đảo ngược hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

### 9.3. Chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể đưa ra cho Nhà thầu bất kỳ lúc nào các chỉ dẫn và bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp với hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền.

Chủ đầu tư phải tuân theo các chỉ dẫn do nhà tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến hợp đồng. Khi có thể, các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn và người được ủy quyền phải được đưa ra ở dạng văn bản. Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói hoặc nhận được đề nghị chỉ dẫn bằng văn bản nhưng không trả lời bằng văn bản trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT** thì đề nghị hoặc yêu cầu đó chính là chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền (*trường hợp cụ thể do các bên quy định trong hợp đồng*).

### 9.4. Thay thế Nhà thầu tư vấn

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà thầu tư vấn thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu tư vấn được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà thầu tư vấn bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

### 9.5. Quyết định của Nhà thầu tư vấn (*trường hợp Chủ đầu tư không thuê Nhà thầu tư vấn thì khoản này áp dụng cho chính Chủ đầu tư*)

Những điều kiện này quy định rằng, Nhà thầu tư vấn (*thay mặt cho Chủ đầu tư*) sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, nhà tư vấn phải trao đổi ý kiến với từng bên để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp

	<p>không đạt được sự thống nhất, nhà tư vấn sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan.</p>
<p><b>10. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (nếu có)</b></p>	<p>Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng thì Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>10.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng</p> <p>Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. Tư vấn giám sát có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.</p> <p>Tư vấn giám sát không có quyền sửa đổi hợp đồng. Tư vấn giám sát có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh Tư vấn giám sát như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Tư vấn giám sát được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Tư vấn giám sát, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.</p> <p>Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:</p> <p>a) Tư vấn giám sát không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;</p> <p>b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Tư vấn giám sát (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.</p> <p>10.2. Trách nhiệm của Tư vấn giám sát</p> <p>Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình (<i>nếu không thuê tư vấn giám sát thi công việc này thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư</i>). Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.</p> <p>10.3. Thay thế Tư vấn giám sát</p> <p>Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Tư vấn giám sát thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Tư vấn giám sát</p>

	<p>được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Tư vấn giám sát bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.</p>
<p><b>11. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>11.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>11.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 11.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>11.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu (<i>hoặc theo thỏa thuận khác của các bên</i>).</p> <p>11.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>12. Hợp tác với các Nhà thầu khác</b></p>	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp có quy định trong Thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác với và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.</p>

<p><b>13. Nhân sự và Thiết bị</b></p>	<p>13.1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDT hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDT.</p> <p>13.2. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho nhân sự của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.</p> <p>13.3. Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu có các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 13.2 ĐKC.</p>
<p><b>14. Điện, nước và an ninh công trường</b></p>	<p>14.1 Điện, nước trên công trường</p> <p>a) Trừ trường hợp quy định ở điểm b Mục này, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.</p> <p>b) Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.</p> <p>14.2. An ninh công trường</p> <p>Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:</p> <p>a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;</p> <p>b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.</p>
<p><b>15. Bất khả</b></p>	<p>15.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc</p>

	<p>bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>15.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>15.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>15.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>15.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p><b>16. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu</b></p>	<p>Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu.</p>
<p><b>17. Rủi ro của Chủ đầu tư</b></p>	<p>17.1. Kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro sau đây:</p> <p>a) Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư</p>

	<p>hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư hoặc nhân sự của Chủ đầu tư;</p> <p>b) Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.</p> <p>17.2. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro tổn thất hay hư hại công trình, nhà xưởng, vật tư, trừ trường hợp tổn thất hay hư hại đó bắt nguồn từ:</p> <p>(a) Một sai sót còn tồn tại vào ngày hoàn thành;</p> <p>(b) Một sự việc xảy ra trước ngày hoàn thành và không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>(c) Các hoạt động của Nhà thầu trên công trường sau ngày hoàn thành.</p>
<p><b>18. Rủi ro của Nhà thầu</b></p>	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm về các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (bao gồm cả công trình, vật tư, nhà xưởng, thiết bị) kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình.</p>
<p><b>19. Bảo hiểm</b></p>	<p>19.1. Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>19.2. Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ ba.</p>
<p><b>20. Bảo hành</b></p>	<p>20.1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</p> <p>a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.</p> <p>20.2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc</p>

	<p>sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.</p>
<b>21. Thông tin về Công trường</b>	<p>Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về Công trường được nêu trong <b>ĐKCT</b> và các thông tin khác có liên quan.</p>
<b>22. Bảo đảm an ninh Công trường</b>	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh Công trường. Người không có nhiệm vụ liên quan thì không được vào Công trường. Người được phép vào Công trường chỉ bao gồm Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư, người được Chủ đầu tư thông báo bằng bằng văn bản cho Nhà thầu về việc được phép vào Công trường (bao gồm các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường).</p> <p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đảm bảo an ninh Công trường.</p> <p>Nhà thầu phải (i) tiến hành kiểm tra lý lịch (nếu cần thiết) đối với các nhân sự thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Công trường; (ii) đào tạo cho các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường (hoặc đảm bảo họ đã được đào tạo đầy đủ) về việc sử dụng vũ lực, và về thái độ ứng xử phù hợp đối với Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư và các cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) yêu cầu các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật</p> <p>Nhà thầu không được cho phép các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường sử dụng vũ lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trừ trường hợp phòng ngừa và tự vệ phù hợp với bản chất và mức độ của các mối đe dọa.</p> <p>Khi bố trí công tác bảo đảm an ninh Công trường, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p>
<b>23. Cổ vật phát hiện tại Công trường</b>	<p>23.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp bảo vệ hợp lý, bao gồm lập hàng rào quanh khu vực có những phát hiện đó để tránh gây thêm tác động và ngăn ngừa Nhân sự của Nhà thầu hoặc những người khác di dời hoặc phá hoại các phát hiện đó. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>23.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát</p>

	hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết.
<b>24. Quyền sử dụng Công trường</b>	Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào ngày quy định tại <b>ĐKCT</b> . Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại <b>ĐKCT</b> thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường.
<b>25. Ra vào Công trường</b>	Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng.
<b>26. Tư vấn giám sát</b>	<p>26.1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong Hợp đồng.</p> <p>26.2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng Công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát.</p> <p>Nhà thầu và nhà thầu phụ có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu, báo cáo và sổ sách ghi chép chính xác và có hệ thống về Công trình, thể hiện rõ những thay đổi về thời gian và chi phí liên quan đến Công trình.</p> <p>26.3. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
<b>27. Giải quyết tranh chấp</b>	<p>27.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>27.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một bên có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
	<b>B. Quản lý thời gian</b>
<b>28. Ngày khởi công và Ngày hoàn thành dự kiến</b>	Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại <b>ĐKCT</b> và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày hoàn thành dự kiến quy định tại <b>ĐKCT</b> .
<b>29. Biểu tiến</b>	29.1. Trong khoảng thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b> , Nhà thầu phải

**độ thi công chi tiết**

trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:

- a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình;
- b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng;
- c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.

Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động.

29.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận.

29.3. Việc Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh Biểu tiến độ thi công chi tiết (trong đó thể hiện rõ tác động của các Thay đổi và Sự kiện bồi thường) và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào.

29.4. Nhà thầu phải theo dõi tiến độ Công trình và trình Chủ đầu tư xem xét báo cáo tiến độ và Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật (trong đó thể hiện rõ tiến độ thực tế, tác động đối với các công việc còn lại) vào những thời điểm không muộn hơn thời gian quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền quy định tại **ĐKCT** trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Nhà thầu trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật. Đối với hợp đồng trọn gói, Nhà thầu phải nộp Bảng kê các hoạt động đã cập nhật trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Ngoài các báo cáo tiến độ, Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn trong Công trường, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư hoặc Nhân sự của Nhà thầu. Điều này bao gồm bất kỳ sự cố, tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể.

Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn xảy ra trong các cơ sở của các Nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp liên quan đến Công trình, đã hoặc sẽ chắc chắn gây

	<p>ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư, Nhân sự của Nhà thầu, và Nhân sự của các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp, ngay khi được biết về nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn đó. Thông báo của Nhà thầu phải bao gồm đầy đủ thông tin về các sự cố và tai nạn như vậy. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ chi tiết về các sự cố hay tai nạn đó cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>Nhà thầu phải yêu cầu các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp của mình lập tức thông báo cho Nhà thầu các sự cố và tai nạn như quy định trong Khoản này.</p>
<p><b>30. Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>30.1. Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>30.2. Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>30.3. Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>30.4. Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>30.5. Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</p> <p>30.6. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;</p> <p>30.7. Các trường hợp khác được mô tả tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>31. Đẩy nhanh tiến độ</b></p>	<p>31.1. Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận.</p> <p>31.2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.</p>

<p><b>32. Trì hoãn theo yêu cầu của Chủ đầu tư</b></p>	<p>Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ đối với bất kỳ hoạt động nào của Công trình.</p>
	<p><b>C. Quản lý chất lượng</b></p>
<p><b>33. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị</b></p>	<p>33.1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>33.2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại <b>ĐKCT</b> để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</p> <p>33.3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>33.4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</p>
<p><b>34. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu công việc</b></p>	<p>34.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm</p> <p>Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng như sau:</p> <p>a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong HSMT phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.</p> <p>b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.</p> <p>34.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư</p> <p>a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;</p> <p>b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.</p> <p>Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung</p>

	<p>cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.</p> <p>Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bắt kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.</p> <p>34.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.</p>
<p><b>35. Xác định các sai sót trong công trình</b></p>	<p>Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót.</p>
<p><b>36. Thử nghiệm</b></p>	<p>36.1. Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường.</p> <p>36.2. Trước khi bắt đầu thử nghiệm, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.</p> <p>36.3. Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà</p>

	<p>thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.</p> <p>36.4. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần thử nghiệm. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành thử nghiệm và coi như việc thử nghiệm đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.</p> <p>36.5. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần thử nghiệm và các bên ký biên bản thử nghiệm làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.</p>
<p><b>37. Sửa chữa khắc phục Sai sót</b></p>	<p>37.1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.</p> <p>37.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo.</p> <p>37.3. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.</p>
<p><b>38. Sai sót không được sửa chữa</b></p>	<p>38.1. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.</p> <p>38.2. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.</p> <p>38.3. Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.</p>

<p><b>39. Dự báo về sự cố</b></p>	<p>Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.</p>
	<p><b>D. Quản lý chi phí</b></p>
<p><b>40. Loại hợp đồng</b></p>	<p>Loại hợp đồng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>41. Giá hợp đồng và bảng giá hợp đồng</b></p>	<p>41.1. Giá hợp đồng được ghi tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>41.2. Đối với hợp đồng trọn gói, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc và thành tiền của các hạng mục đó. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các hạng mục công việc để hoàn thành công trình theo thiết kế được duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.</p> <p>41.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.</p>
<p><b>42. Tạm ứng</b></p>	<p>42.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>42.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng.</p>

	<p>Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>42.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại.</p> <p>42.4. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).</p>
<p><b>43. Hồ sơ thanh toán</b></p>	<p>43.1. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu.</p> <p>43.2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn</p>

	<p>thanh toán.</p> <p>43.3. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng hoặc đơn giá được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>43.4. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận khối lượng hoàn thành, mức độ hoàn thành theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, mức độ hoàn thành, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này.</p>
<b>44. Thanh toán</b>	<p>44.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>44.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
<b>45. Điều chỉnh thuế</b>	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b> .
<b>46. Tiền giữ lại</b>	46.1. Mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một phần theo quy định tại <b>ĐKCT</b> cho đến khi hoàn thành toàn bộ

	<p>công trình.</p> <p>46.2. Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</p>
<p><b>47. Sửa đổi hợp đồng</b></p>	<p>47.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <p>a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;</p> <p>b) Thay đổi về thiết kế;</p> <p>c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Các trường khác quy định tại <b>ĐKCT</b></p> <p>47.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 47.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được thực hiện trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>47.3. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.4. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép. Việc điều chỉnh tiến độ thi công tuân thủ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>47.5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất</p>

	<p>giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;</li> <li>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;</li> <li>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng;</li> <li>d) Mô tả các công việc cần thực hiện.</li> </ul> <p>47.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các công năng cần thiết của Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</li> <li>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của Công trình;</li> <li>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</li> </ul> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại <b>ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p><b>48. Sự kiện bồi thường</b></p>	<p>48.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 24 ĐKC;</li> <li>b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này;</li> <li>c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình đúng thời hạn;</li> <li>d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót;</li> <li>đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;</li> <li>e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại</li> </ul>

	<p>thời điểm trước khi có Thư Chấp Thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các nhà thầu (bao gồm các Báo Cáo Khảo Sát Công Trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát Công Trường.</p> <p>g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;</p> <p>h) Các nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ Đầu Tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong Hợp Đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong Hợp Đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà Thầu.</p> <p>i) Tạm ứng chậm;</p> <p>k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.</p> <p>48.2. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>48.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.</p> <p>48.4. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.</p>
<p><b>49. Phạt vi phạm và thưởng hợp đồng</b></p>	<p>49.1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại <b>ĐKCT</b> cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại <b>ĐKCT</b>. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>49.2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>49.3. Việc thưởng hợp đồng được thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<p><b>50. Công nhật</b></p>	<p>50.1. Trường hợp phát sinh Công nhật thì chi phí Công nhật do Nhà thầu đề xuất trong HSĐT sẽ chỉ được áp dụng khi Chủ đầu tư có</p>

	<p>thông báo trước bằng văn bản về việc các công việc phát sinh sẽ được thanh toán theo Công nhật.</p> <p>50.2. Tất cả công việc thanh toán theo Công nhật phải được Nhà thầu ghi lại.</p> <p>50.3. Nhà thầu được thanh toán các chi phí Công nhật sau khi Chủ đầu tư chấp thuận bản kê khai chi phí Công nhật.</p>
<b>51. Chi phí sửa chữa</b>	Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>52. Nghiệm thu</b>	Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.
<b>53. Hoàn thành</b>	Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.
<b>54. Bàn giao</b>	<p>Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.</p> <p>Bàn giao hạng mục công trình, công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>
<b>55. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành</b>	<p>55.1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>55.2. Nếu Nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại <b>ĐKCT</b> hoặc các tài liệu này không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định tại <b>ĐKCT</b> từ khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu.</p>
<b>56. Quyết toán và thanh lý hợp đồng</b>	<p>56.1. Quyết toán hợp đồng</p> <p>Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và gồm các quy định sau:</p> <p>a) Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình</p>

	<p>cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận trong khoảng thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b>, bao gồm các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;</li> <li>- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;</li> <li>- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;</li> <li>- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;</li> <li>- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).</li> </ul> <p>b) Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá số ngày quy định tại <b>ĐKCT</b>, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).</p> <p><b>56.2. Thanh lý hợp đồng</b></p> <p>Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định sau:</p> <p>a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;</li> <li>- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>b) Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 150 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp.</p> <p><b>56.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư</b></p> <p>Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.</p>
<p><b>57. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>57.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.</p> <p>57.2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư</p>

	<p>cho phép;</p> <p>b) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ;</p> <p>c) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>d) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;</p> <p>đ) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu;</p> <p>e) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;</p> <p>g) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;</p> <p>h) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>57.3. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 57.2 ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.</p> <p>57.4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.</p>
<p><b>58. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>58.1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.</p> <p>58.2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 57 ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu</p>

	<p>về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.</p>
<b>59. Tài sản</b>	<p>Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.</p>
<b>60. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng</b>	<p>Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng.</p>

## Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là: Petrolimex Điện Biên.            Địa chỉ: Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.            Số tài khoản:            Mã số thuế:            Điện thoại:            Email:</p>
<b>ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm Các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.
<b>ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại Trong khuôn viên CH Nậm Cút thuộc Xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên và được xác định trong Bản vẽ thiết kế.
<b>ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: Trong vòng 150 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
<b>ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Trong vòng 150 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
<b>ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: Ngày cấp lệnh khởi công của Chủ đầu tư.
<b>ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ____ [ <i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i> ].
<b>ĐKC 1.29</b>	<p>- Tư vấn quản lý dự án: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có</i>];</p> <p>- Tư vấn giám sát là: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát</i>];</p> <p>...</p>
<b>ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
<b>ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [ <i>liệt kê tài liệu</i> ].
<b>ĐKC 5.2</b>	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi</p>

	<p>công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<b>ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 07 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
<b>ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá: 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Theo danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT
<b>ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng
<b>ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu phụ phải đảm bảo năng lực để thực hiện phần công việc của mình mà không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.
<b>ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu...
<b>ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình_____ [ <i>ghi số ngày bảo hành công trình của nhà thầu đề xuất trong HSDT</i> ] ngày, kể từ ngày_____ tháng_____ năm_____
<b>ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

<b>ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ [ <i>ghi địa điểm và ngày</i> ].
<b>ĐKC 27.2</b>	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng mà không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>ĐKC 28</b>	- Ngày khởi công: Ngày cấp lệnh khởi công của Chủ đầu tư. - Ngày hoàn thành dự kiến: Trong vòng 150 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
<b>ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>ĐKC 29.4</b>	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Trong vòng 07 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 80.000.000 VND (~1% giá hợp đồng).
<b>ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: _____ [ <i>ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)</i> ].
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>ĐKC 33.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu thực hiện việc cung cấp vật liệu xây dựng, máy móc thực hiện xây lắp công trình: Cửa hàng xăng dầu Nậm Cút theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi được chủ đầu tư chấp thuận), yêu cầu kỹ thuật được mô tả trong E-HSMT của Chủ đầu tư.
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
<b>ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>ĐKC 42.1</b>	- Tạm ứng: Tối đa 30% giá hợp đồng. Trường hợp tổng số tiền tạm ứng từ 1 tỷ đồng trở lên thì Bên nhận thầu phải thực hiện bảo lãnh tiền tạm ứng. - Thời gian tạm ứng: Khi có kế hoạch vốn ghi cho dự án.

<b>ĐKC 44.1</b>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh toán bằng chuyển khoản.</li> <li>- Số lần thanh toán là một hoặc nhiều lần tùy theo nguồn vốn phân bổ cho gói thầu và tình hình thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 14 ngày kể từ ngày Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.</li> <li>- Chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.</li> </ul>
<b>ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>ĐKC 46.1</b>	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% giá hợp đồng (tiền tạm giữ bảo hành công trình).
<b>ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo quy định của pháp luật.
<b>ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>ĐKC 49.1</b>	Mức phạt: Nếu chậm tiến độ 10 ngày thì phạt 0,1% giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
<b>ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</li> </ul>
<b>ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>	
<b>ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Không quá 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
<b>ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trước 07 ngày khi có thư mời nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.
<b>ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: 400.932.000 VNĐ.
<b>ĐKC</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 60 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc

<b>56.1(a)</b>	theo quy định của hợp đồng.
----------------	-----------------------------

## **Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

**Mẫu số 13 (Webform trên Hệ thống)****THƯ CHẤP THUẬN HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu.*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày\_\_\_tháng\_\_\_năm\_\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

(Hợp đồng điện tử)

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật nội dung văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_\_\_; [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;
7. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu;
8. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

d) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:

2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 44.1 ĐKCT].

### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo ĐKCT].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 28 ĐKC, HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**NHÀ THÀU**

[xác nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

### BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

*(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)*

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup>
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: _____ <i>[Hệ thống tự tính]</i>			

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ  
ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG***(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá)*

STT	Mô tả công việc	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Hạng mục 1:</b>					
1						
2						
3						
<b>II</b>	<b>Hạng mục 2:</b>					
1						
2						
3						
<b>III</b>	<b>Hạng mục...</b>					
...	....					
<b>Giá hợp đồng</b> (Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng)						

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]***ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); <sup>(1)</sup>

Theo quy định trong HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(3)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG** <sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 ĐKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 ĐKCT.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

*[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]<sup>(2)</sup>.*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây.

Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền